

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN ĐÃ THỰC HIỆN**

(Tính đến ngày 30/09/2024)

Khoa: Quản trị kinh doanh

Số ngày CTXH cần hoàn thành: 10

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1	DH72105284	Nguyễn Thị Mai	Anh	D21_KD01	6	-	-	6	-	-	-	-	-	4
2	DH72106623	Lê Thị Kim	Chi	D21_KD01	16.5	0.5	0.5	6	-	-	9.5	-	-	0
3	DH71800189	Hồ Minh	Chí	D21_KD01	10	Miễn thực hiện ngày CTXH								0
4	DH72113252	Nguyễn Hoàng	Duy	D21_KD01	12	-	-	6	2.5	-	2.5	1	-	0
5	DH72106115	Nguyễn Thanh	Duy	D21_KD01	15	-	-	6	-	-	9	-	-	0
6	DH72000675	Trần Cẩm	Duy	D21_KD01	8.5	-	-	6	0.5	-	2	-	-	1.5
7	DH72106493	Huỳnh Khánh	Duyên	D21_KD01	15.5	-	-	6	2.5	-	6	1	-	0
8	DH72106561	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên	D21_KD01	16	0.5	0.5	6	-	-	9	-	-	0
9	DH72105358	Ngô Minh	Hiền	D21_KD01	12.5	-	0.5	6	-	-	6	-	-	0
10	DH72106020	Đặng Thị	Hoa	D21_KD01	11	-	-	6	0.5	-	4.5	-	-	0
11	DH72106529	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD01	29	-	-	6	-	-	20	-	3	0
12	DH72100526	Trần Chí	Hùng	D21_KD01	14	-	-	6.5	0.5	-	7	-	-	0
13	DH72004154	Đặng Duy	Khang	D21_KD01	6	-	-	6	-	-	-	-	-	4
14	DH72103324	Trần Tiến Minh	Khang	D21_KD01	14	-	-	13	0.5	-	0.5	-	-	0
15	DH72101196	Võ Nhật Minh	Khoa	D21_KD01	5.5	-	-	4	0.5	-	1	-	-	4.5
16	DH72106027	Ngô Lý Khánh	Linh	D21_KD01	12.5	-	-	5	0.5	1	5	1	-	0
17	DH72104542	Nguyễn Thị ánh	Loan	D21_KD01	14.5	-	-	5	0.5	1	5	-	3	0
18	DH72100226	Trần Văn	Minh	D21_KD01	4	-	-	4	-	-	-	-	-	6
19	DH72005969	Lâm Thị Bích	Ngân	D21_KD01	14.5	0.5	-	4	1.5	-	8.5	-	-	0
20	DH72107785	Nguyễn Thị Xuân	Nghi	D21_KD01	4.5	-	0.5	4	-	-	-	-	-	5.5
21	DH72004756	Võ Thị Thu	Nghiêm	D21_KD01	13.5	0.5	-	4	1	-	8	-	-	0
22	DH72107726	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D21_KD01	4.5	-	-	4	-	-	0.5	-	-	5.5
23	DH72107506	Đặng Danh Anh	Nguyên	D21_KD01	11	-	-	11	-	-	-	-	-	0
24	DH72001103	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	D21_KD01	11.5	-	-	2	1	-	8.5	-	-	0
25	DH72100494	Trần Ngô Huệ	Nhân	D21_KD01	9.5	-	-	3	0.5	1	5	-	-	0.5
26	DH72106244	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D21_KD01	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
27	DH72106181	Võ Thị Tuyết	Nhi	D21_KD01	7	-	-	2	-	-	5	-	-	3

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
28	DH72100712	Nguyễn Hồ Tâm	Như	D21_KD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
29	DH72108271	Nguyễn Thành	Phát	D21_KD01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
30	DH72100824	Võ Mai	Phuong	D21_KD01	7	-	-	2	0.5	-	4.5	-	-	3
31	DH72100490	Nguyễn Lê Tấn	Quang	D21_KD01	7	-	-	2	-	-	5	-	-	3
32	DH72105421	Phạm Như	Quỳnh	D21_KD01	10.5	-	-	3	0.5	-	7	-	-	0
33	DH72100912	Dương Thị Yến	Thanh	D21_KD01	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
34	DH72101151	Lương Thùy Thanh	Thảo	D21_KD01	8	-	0.5	2	0.5	-	5	-	-	2
35	DH72100988	Nguyễn Thị Lệ	Thu	D21_KD01	13.5	-	-	2	-	-	10.5	-	1	0
36	DH72103368	Trần Thị Kim	Thu	D21_KD01	11	-	-	10	0.5	-	0.5	-	-	0
37	DH72106137	Nguyễn Anh	Thư	D21_KD01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
38	DH72108296	Nguyễn Thị Anh	Thy	D21_KD01	5	-	-	2	0.5	-	2.5	-	-	5
39	DH72100491	Phùng Cảnh	Tín	D21_KD01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
40	DH72105569	Phạm Hồng Đoàn	Trang	D21_KD01	5	-	-	-	2.5	-	2.5	-	-	5
41	DH72100417	Nguyễn Duy	Trung	D21_KD01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
42	DH72004201	Phạm Tấn	Tú	D21_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
43	DH72101148	Nguyễn Huỳnh	Tuấn	D21_KD01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
44	DH72100225	Phan Nguyễn Thảo	Vi	D21_KD01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
45	DH72103281	Nguyễn Hoàng	Vũ	D21_KD01	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
46	DH72101751	Đặng Lê Thanh	Vy	D21_KD01	11.5	6	-	-	0.5	-	5	-	-	0
47	DH72104541	Đào Nguyên Như	ý	D21_KD01	6.5	-	-	-	3	-	3.5	-	-	3.5
48	DH72109591	Nguyễn Trung	An	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
49	DH72109647	Lê Thị Diễm	Châu	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
50	DH72109657	Đình Tiến	Công	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
51	DH72108996	Nguyễn Thị Bé	Diệu	D21_KD02	3.5	0.5	-	-	2.5	-	0.5	-	-	6.5
52	DH72113737	Mai Thành	Đạt	D21_KD02	15	0.5	0.5	-	0.5	-	10.5	-	3	0
53	DH72113472	Nguyễn Duy	Đạt	D21_KD02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
54	DH72109709	Phan Quốc	Điền	D21_KD02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
55	DH72109728	Đỗ Trọng Nguyên	Giáp	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
56	DH72109741	Bành Gia	Hạnh	D21_KD02	7.5	-	-	2	0.5	2	3	-	-	2.5
57	DH72106989	Nguyễn Trung	Hiếu	D21_KD02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
58	DH72109811	Huỳnh Huy	Hoàng	D21_KD02	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
59	DH72109833	Nguyễn Phi	Hùng	D21_KD02	11	-	0.5	-	0.5	-	10	-	-	0
60	DH72109854	Võ Thị Như	Huỳnh	D21_KD02	4.5	-	-	-	2.5	-	1	1	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
61	DH72109876	Lê Tuấn	Khanh	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
62	DH72109886	Võ Hoài Kim	Khánh	D21_KD02	4	1	-	-	0.5	-	2.5	-	-	6
63	DH72113132	Nguyễn Anh	Khuyên	D21_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
64	DH72109899	Phạm Anh	Kiệt	D21_KD02	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
65	DH72109951	Mai Thiên	Lộc	D21_KD02	10.5	0.5	0.5	1	0.5	-	8	-	-	0
66	DH72114701	Trần Nhật	Minh	D21_KD02	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
67	DH72114677	Võ Tuyền Ngọc	Minh	D21_KD02	17.5	-	-	1	8.5	-	8	-	-	0
68	DH72109998	Trần Thị Hải	My	D21_KD02	7.5	-	0.5	2	0.5	-	1.5	-	3	2.5
69	DH72110001	Ngô Gia	Mỹ	D21_KD02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
70	DH72107014	Cao Nguyễn Thị Thùy My		D21_KD02	7	-	-	2	0.5	-	4.5	-	-	3
71	DH72114624	Đông Thị Như	My	D21_KD02	13	-	-	2	2.5	-	8.5	-	-	0
72	DH72110017	Lê Thanh	Ngân	D21_KD02	12.5	-	0.5	6	0.5	-	5.5	-	-	0
73	DH72110026	Nguyễn Thị Phương	Ngân	D21_KD02	10	-	0.5	2	0.5	-	7	-	-	0
74	DH72114566	Võ Thảo	Nguyễn	D21_KD02	8.5	-	-	2	0.5	-	6	-	-	1.5
75	DH72113509	Phan Thị Phương	Nhi	D21_KD02	9	-	-	2	1.5	-	5.5	-	-	1
76	DH72101504	Phạm Văn	Phú	D21_KD02	7	-	-	3	0.5	-	3.5	-	-	3
77	DH72110146	Nguyễn Việt	Phúc	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
78	DH72110157	Vân Thị Thu	Phuong	D21_KD02	10	-	0.5	2	0.5	-	7	-	-	0
79	DH72110190	Lương Mạnh	Quyền	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
80	DH72110235	Nguyễn Huỳnh Tiến	Thành	D21_KD02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
81	DH72100660	Lê Hoàng	Thông	D21_KD02	8.5	-	-	2	1.5	-	4	1	-	1.5
82	DH72110300	Nguyễn Đặng Phương	Thùy	D21_KD02	6.5	-	-	2	-	-	4.5	-	-	3.5
83	DH72110315	Nguyễn Điều Minh	Thư	D21_KD02	4.5	-	-	2	1.5	-	1	-	-	5.5
84	DH72114600	Phạm Nguyễn Anh	Thư	D21_KD02	10.5	-	-	2	0.5	-	8	-	-	0
85	DH72110348	Nguyễn Việt Khánh	Toàn	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
86	DH72110352	Nguyễn Quỳnh	Trang	D21_KD02	8	-	0.5	2	3.5	-	2	-	-	2
87	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_KD02	10	-	-	2	2.5	-	5.5	-	-	0
88	DH72110399	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D21_KD02	13	-	-	2	3.5	-	6.5	1	-	0
89	DH72114031	Đỗ Thị Thanh	Tuyền	D21_KD02	13.5	11	-	2	-	-	0.5	-	-	0
90	DH72110437	Hà Thanh	Tuyền	D21_KD02	10	-	-	3	1.5	-	2.5	-	3	0
91	DH72109149	Trần Thị Tường	Vân	D21_KD02	7.5	-	-	3	1	-	3.5	-	-	2.5
92	DH72113273	Nguyễn Phát	Vũ	D21_KD02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
93	DH72110517	Huỳnh Thụy Hoàng	Yến	D21_KD02	13	-	-	2	5	-	6	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
94	DH72107218	Dur Thị Kim	An	D21_MAR01	30	28	-	2	-	-	-	-	-	0
95	DH72113831	Trần Nguyên	An	D21_MAR01	11.5	-	-	2	0.5	-	9	-	-	0
96	DH72106635	Nguyễn Vũ Văn	Anh	D21_MAR01	4.5	-	-	2	0.5	-	2	-	-	5.5
97	DH72114137	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	D21_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
98	DH72100948	Trịnh Thế	Bảo	D21_MAR01	8	-	-	3	-	-	5	-	-	2
99	DH72106595	Nguyễn Công	Bắc	D21_MAR01	15.5	13.5	-	2	-	-	-	-	-	0
100	DH72114535	Đỗ Vũ	Bằng	D21_MAR01	53	-	-	2	47	3	1	-	-	0
101	DH72108625	Trần Thị	Châu	D21_MAR01	5.5	-	0.5	2	2.5	-	0.5	-	-	4.5
102	DH72114141	Dương Thị Mỹ	Dung	D21_MAR01	9	-	-	2	0.5	-	6.5	-	-	1
103	DH72100987	Nguyễn Công	Duy	D21_MAR01	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
104	DH72101394	Nguyễn Hữu	Đăng	D21_MAR01	28	24	0.5	2	-	-	1.5	-	-	0
105	DH72108539	Huỳnh Thị Nhật	Định	D21_MAR01	5.5	-	-	2	2	-	0.5	1	-	4.5
106	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	D21_MAR01	14.5	-	-	3	0.5	-	11	-	-	0
107	DH72114455	Nguyễn Phan Ngọc	Hải	D21_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
108	DH72114402	Đặng Thị Hồng	Hạnh	D21_MAR01	8	-	-	2	2.5	-	3.5	-	-	2
109	DH72114181	Trịnh Mỹ	Hạnh	D21_MAR01	9.5	-	-	2	2.5	-	5	-	-	0.5
110	DH72113964	Nguyễn Lê Xuân	Hào	D21_MAR01	12.5	-	-	1	2.5	-	9	-	-	0
111	DH72114673	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	D21_MAR01	6.5	-	-	1	2.5	-	3	-	-	3.5
112	DH72106501	Nguyễn Thị Khánh	Hiền	D21_MAR01	5.5	-	-	1	2	-	2.5	-	-	4.5
113	DH72114099	Trần Đặng Khánh	Hiền	D21_MAR01	13	-	-	1	2.5	-	9.5	-	-	0
114	DH72114205	Nguyễn Đình	Hiếu	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
115	DH72104786	Nguyễn Lê Chí	Hiếu	D21_MAR01	11	-	-	-	0.5	1	2.5	1	6	0
116	DH72109817	Phan Văn	Hoàng	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
117	DH72100169	Võ Thị Cẩm	Hồng	D21_MAR01	15	12	-	-	0.5	-	2.5	-	-	0
118	DH72114101	Nguyễn Thị Minh	Huyền	D21_MAR01	10	-	-	-	0.5	-	9.5	-	-	0
119	DH72006585	Lê Hồng Anh	Kiệt	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
120	DH72108761	Huỳnh Chí	Lâm	D21_MAR01	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
121	DH72114286	Trần Đức	Lân	D21_MAR01	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
122	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_MAR01	9	-	0.5	-	3.5	-	5	-	-	1
123	DH72103443	Võ Thị	Linh	D21_MAR01	13	-	-	-	1.5	-	11.5	-	-	0
124	DH72100404	Lê Thanh	My	D21_MAR01	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
125	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo	My	D21_MAR01	8	-	-	-	2	-	6	-	-	2
126	DH72102639	Lê Thị Bích	Ngọc	D21_MAR01	5	-	0.5	-	2.5	-	2	-	-	5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
127	DH72114252	Tạ Thị Thanh	Ngọc	D21_MAR01	6.5	-	0.5	-	3.5	-	2.5	-	-	3.5
128	DH72114640	Trần Thị ánh	Nguyệt	D21_MAR01	15	5.5	-	-	-	-	9.5	-	-	0
129	DH72106180	Lê Thị Yến	Nhi	D21_MAR01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
130	DH72108666	Trương Thị Hồng	Nhung	D21_MAR01	3	-	-	-	2.5	-	0.5	-	-	7
131	DH72114616	Võ Thị Hồng	Nhung	D21_MAR01	6	-	-	-	3.5	-	2.5	-	-	4
132	DH72005445	Huỳnh Công	Phúc	D21_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
133	DH72109170	Tô Tuấn	Quang	D21_MAR01	6.5	-	-	0.5	-	-	6	-	-	3.5
134	DH72114130	Nguyễn Hoàng	Quân	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
135	DH72114562	Bùi Trí	Quyền	D21_MAR01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
136	DH72114210	Võ Khánh	Sinh	D21_MAR01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
137	DH72114218	Trần Văn	Tài	D21_MAR01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
138	DH72101060	Huỳnh Ngọc Lai	Thanh	D21_MAR01	2.5	-	-	-	2.5	-	-	-	-	7.5
139	DH72114222	Trần Quốc	Thắng	D21_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
140	DH72004362	Trần Hữu	Thịnh	D21_MAR01	15.5	-	-	-	-	-	15.5	-	-	0
141	DH72110299	Cao Nguyễn Thị	Thùy	D21_MAR01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
142	DH72114635	Nguyễn Phương	Thúy	D21_MAR01	7.5	1.5	-	-	0.5	-	5.5	-	-	2.5
143	DH72114157	Trần Thị Kim	Thúy	D21_MAR01	5.5	-	0.5	-	1.5	-	3.5	-	-	4.5
144	DH72106741	Trần Võ Minh	Thư	D21_MAR01	10.5	-	0.5	-	-	-	10	-	-	0
145	DH72113863	Nguyễn Thị Nhật	Thương	D21_MAR01	8	-	-	-	2	-	6	-	-	2
146	DH72114429	Trần Thị Thủy	Tiên	D21_MAR01	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
147	DH72114633	Võ Trương Hà	Tiên	D21_MAR01	8	-	-	-	2	-	6	-	-	2
148	DH72104618	Trần Lê Huỳnh	Tính	D21_MAR01	8	-	-	5	0.5	-	2.5	-	-	2
149	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên	Trâm	D21_MAR01	12.5	-	-	-	0.5	-	9	-	3	0
150	DH72103713	Trần Hoàng Thanh	Trúc	D21_MAR01	11	-	0.5	-	-	-	10.5	-	-	0
151	DH72102380	Mai Cẩm	Tú	D21_MAR01	7.5	-	-	5	0.5	-	2	-	-	2.5
152	DH72105261	Trần Thị Cẩm	Tú	D21_MAR01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
153	DH72114068	Nguyễn Vũ Như	Uyên	D21_MAR01	9.5	5.5	-	-	1.5	-	2.5	-	-	0.5
154	DH72108693	Trần Ngọc Bảo	Uyên	D21_MAR01	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
155	DH72108738	Đỗ Nguyễn Tường	Vy	D21_MAR01	2.5	-	-	-	2.5	-	-	-	-	7.5
156	DH72106112	Nguyễn Thụy Thanh	Vy	D21_MAR01	12	-	-	-	3.5	-	8.5	-	-	0
157	DH72103582	Văn Minh Khánh	Vy	D21_MAR01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
158	DH72114297	Đào Thị ánh	Xuân	D21_MAR01	12	-	0.5	-	4.5	-	7	-	-	0
159	DH72109593	Trần Nguyễn Duy	An	D21_MAR02	6.5	-	-	-	5	-	1.5	-	-	3.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
160	DH72109636	Trương Nguyễn Gia Bảo	D21_MAR02	10.5	1	-	-	5	-	4.5	-	-	0
161	DH72109644	Nguyễn Thị Chân	D21_MAR02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
162	DH72113327	Lê Phúc Cường	D21_MAR02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
163	DH72109663	Đỗ Tiến Danh	D21_MAR02	12	-	-	-	-	5	7	-	-	0
164	DH72109693	Nguyễn Thị Trúc Dương	D21_MAR02	8	-	-	-	2.5	-	5.5	-	-	2
165	DH72109714	Nguyễn Hồ Minh Đức	D21_MAR02	21.5	7	-	-	-	-	14.5	-	-	0
166	DH72109717	Lê Thị Hồng Gấm	D21_MAR02	13.5	-	-	2	-	3	8.5	-	-	0
167	DH72109726	Võ Trường Giang	D21_MAR02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
168	DH72109727	Lê Thị Quỳnh Giao	D21_MAR02	10.5	-	-	-	6	4.5	-	-	-	0
169	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy Hằng	D21_MAR02	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
170	DH72109755	Phan Thị Thu Hằng	D21_MAR02	11.5	-	-	-	-	4	7.5	-	-	0
171	DH72109770	Thái Gia Hân	D21_MAR02	10.5	-	-	2	0.5	2	6	-	-	0
172	DH72110909	Nguyễn Trần Minh Hiếu	D21_MAR02	2.5	-	-	1	-	-	1.5	-	-	7.5
173	DH72101001	Phạm Thị Kim Hồng	D21_MAR02	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
174	DH72109829	Đỗ Lê Quốc Hùng	D21_MAR02	61	26	-	-	5	5	21	1	3	0
175	DH72109848	Võ Đức Huy	D21_MAR02	10	-	-	1	5	-	4	-	-	0
176	DH72109857	Nguyễn Huỳnh Tuấn Hưng	D21_MAR02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
177	DH72114052	Phạm Quốc Kiệt	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
178	DH72113783	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D21_MAR02	5.5	0.5	-	1	0.5	-	3.5	-	-	4.5
179	DH72109934	Nguyễn Thị Trúc Linh	D21_MAR02	6	-	-	-	0.5	2	3.5	-	-	4
180	DH72109946	Nguyễn Ngọc Hồng Loan	D21_MAR02	8	-	-	-	0.5	3	4.5	-	-	2
181	DH72113534	Phạm Thị Kiều Loan	D21_MAR02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
182	DH72109952	Nguyễn Dương Tân Lộc	D21_MAR02	15.5	-	-	-	-	4	11.5	-	-	0
183	DH72109090	Trương Thị Trúc Ly	D21_MAR02	72.5	56	-	1	0.5	4.5	10.5	-	-	0
184	DH72108938	Hồ Hoàng Mến	D21_MAR02	25	-	-	2	5	5	13	-	-	0
185	DH72109989	Nguyễn Gia Minh	D21_MAR02	22.5	7.5	-	2	5	1	7	-	-	0
186	DH72109069	Nguyễn Ngọc Thảo My	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
187	DH72109996	Nguyễn Võ Trà My	D21_MAR02	7.5	-	-	-	2.5	-	3	2	-	2.5
188	DH72107606	Đoàn Thị Minh Nga	D21_MAR02	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
189	DH72105146	Đàng Thị Tuyết Ngân	D21_MAR02	5	-	-	-	0.5	-	4.5	-	-	5
190	DH72104592	Hồ Vũ Hồng Nhi	D21_MAR02	45	30	-	1	-	3	11	-	-	0
191	DH72110105	Trương Hồng Nhung	D21_MAR02	83	67.5	-	1	-	4	10.5	-	-	0
192	DH72113529	Hoàng Lê Tâm Như	D21_MAR02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
193	DH72108716	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	D21_MAR02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
194	DH72110122	Lê Trần Han Ny	D21_MAR02	9.5	-	-	-	1	-	7.5	1	-	0.5
195	DH72108868	Lê Cao Tín Phát	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
196	DH72110133	Phạm Hoàng Nhật Phi	D21_MAR02	143.5	85	-	1	-	-	54.5	-	3	0
197	DH72113151	Phạm Lê Bảo Phúc	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
198	DH72110156	Trần Thị Thu Phương	D21_MAR02	12.5	2.5	0.5	-	2	-	7.5	-	-	0
199	DH72110167	Lê Hải Quân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
200	DH72108948	Lê Hồng Quân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
201	DH72114242	Lê Nguyễn Đình Quân	D21_MAR02	27	24	-	-	-	-	3	-	-	0
202	DH72110189	Võ Thị Hoàn Quyên	D21_MAR02	23.5	10	-	-	-	-	10.5	-	3	0
203	DH72110206	Phạm Ngọc Hương Quỳnh	D21_MAR02	8.5	-	-	-	0.5	-	8	-	-	1.5
204	DH72109018	Trương Thúy Quỳnh	D21_MAR02	6.5	-	-	2	2.5	-	2	-	-	3.5
205	DH72110245	Huỳnh Ngọc Thu Thảo	D21_MAR02	1.5	0.5	-	-	-	-	1	-	-	8.5
206	DH72110246	Lê Thị Phương Thảo	D21_MAR02	7.5	-	-	-	2	-	5.5	-	-	2.5
207	DH72110254	Nguyễn Thị Thu Thảo	D21_MAR02	10	1	0.5	6	0.5	-	2	-	-	0
208	DH72110261	Trương Thị Phương Thảo	D21_MAR02	8	-	-	-	2.5	-	5.5	-	-	2
209	DH72110280	Lê Phước Thọ	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
210	DH72110284	Nguyễn Anh Thơ	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
211	DH72110294	Nguyễn Ngọc Thuận	D21_MAR02	10.5	1	0.5	5	0.5	-	3.5	-	-	0
212	DH72112879	Lê Thị Thu Thủy	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
213	DH72100117	Phan Thị Thu Thủy	D21_MAR02	38	28.5	-	1	0.5	3	5	-	-	0
214	DH72109073	Nguyễn Thị Thanh Thúy	D21_MAR02	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
215	DH72106909	Nguyễn Thị Anh Thư	D21_MAR02	96.5	60	-	-	-	-	34.5	2	-	0
216	DH72110317	Nguyễn Thị Kim Thư	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
217	DH72110326	Nguyễn Thị Hoài Thương	D21_MAR02	10.5	-	1	-	2.5	-	7	-	-	0
218	DH72113420	Nguyễn Thị Bảo Trân	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
219	DH72110408	Cao Minh Trung	D21_MAR02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
220	DH72113041	Phan Ngọc Tú	D21_MAR02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
221	DH72110429	Chiêng Thư Tuấn	D21_MAR02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
222	DH72110443	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	D21_MAR02	5.5	1	-	-	1.5	-	3	-	-	4.5
223	DH72113733	Vòng Ngọc Phương Uyên	D21_MAR02	10	1	0.5	4	-	-	4.5	-	-	0
224	DH72108377	Lê Thanh Vân	D21_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
225	DH72104110	Trần Phương Vinh	D21_MAR02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
226	DH72114482	Hà Thái	Vinh	D21_MAR02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
227	DH72110491	Lê Kiều	Vy	D21_MAR02	31.5	28	-	-	-	-	3.5	-	-	0
228	DH72107931	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
229	DH72002897	Phạm Hoàng	Bảo	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
230	DH72108554	Nguyễn Linh	Chi	D21_MAR03	82	35.5	-	-	-	-	46.5	-	-	0
231	DH72103823	Trần Thị Thanh	Diễm	D21_MAR03	13	-	-	-	2.5	-	9.5	1	-	0
232	DH72108408	Trần Nguyễn	Dy	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
233	DH72107687	Phạm Thị Anh	Đào	D21_MAR03	5.5	-	-	-	3	-	2.5	-	-	4.5
234	DH72100026	Đào Trọng	Đạt	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
235	DH72100023	Trần Thành	Đạt	D21_MAR03	3.5	-	-	-	0.5	-	1	-	2	6.5
236	DH72106063	Lưu Trọng	Đức	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
237	DH72109086	Võ Minh	Đức	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
238	DH72106531	Phạm Thị Trúc	Giang	D21_MAR03	66	-	-	-	-	-	66	-	-	0
239	DH72104735	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D21_MAR03	20	18	-	-	-	-	2	-	-	0
240	DH72105248	Trần Thị Thúy	Hằng	D21_MAR03	5.5	-	-	-	2.5	-	3	-	-	4.5
241	DH72104586	Trần Yên	Hằng	D21_MAR03	18.5	17	-	-	-	-	1.5	-	-	0
242	DH72101097	Nguyễn Hà Ngọc	Hiền	D21_MAR03	5	-	-	1	-	-	4	-	-	5
243	DH72105267	Nguyễn Trung	Hiếu	D21_MAR03	17.5	17	-	-	-	-	0.5	-	-	0
244	DH72101261	Nguyễn Tấn	Huy	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
245	DH72100009	Lê An	Khang	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
246	DH72101210	Trần Gia	Khang	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
247	DH72106576	Trần Bình	Khiêm	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
248	DH72104606	Huỳnh Anh	Khoa	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
249	DH72108219	Nguyễn Đăng	Khoa	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
250	DH72106975	Lê Thị Mộng	Kiều	D21_MAR03	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
251	DH72107482	Lưu Thị Thúy	Kiều	D21_MAR03	5.5	-	-	1	0.5	-	4	-	-	4.5
252	DH72107738	Nguyễn Hoàng	Lâm	D21_MAR03	16.5	16	-	-	-	-	0.5	-	-	0
253	DH72107495	Nguyễn Hoàng Phi	Lâm	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
254	DH72108617	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
255	DH72102017	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_MAR03	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
256	DH72101577	Cao Hữu	Lộc	D21_MAR03	26	20	-	-	-	-	6	-	-	0
257	DH72107876	Phạm Tấn	Lộc	D21_MAR03	15.5	15	-	-	-	-	0.5	-	-	0
258	DH72106110	Vũ Hiền	Lương	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
259	DH72107590	Trương Hải	Mi	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
260	DH72107438	Chung Nguyễn Cao	Minh	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
261	DH72106737	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	D21_MAR03	7.5	-	-	-	0.5	-	6	1	-	2.5
262	DH72107042	Trần Hiếu	Nhân	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
263	DH72106446	Võ Ngọc Yến	Nhi	D21_MAR03	17.5	17	-	-	-	-	0.5	-	-	0
264	DH72107464	Trương Đình Nhật	Quân	D21_MAR03	3	0.5	-	-	1.5	-	1	-	-	7
265	DH72107632	Nguyễn Thùy	Quyên	D21_MAR03	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
266	DH72107976	Nguyễn Lương Phú	Sang	D21_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
267	DH72108300	Lê Văn	Tài	D21_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
268	DH72107591	Bùi Như	Tâm	D21_MAR03	3.5	-	-	-	3	-	0.5	-	-	6.5
269	DH72107004	Nguyễn Duy	Thái	D21_MAR03	5	-	-	-	-	-	2	1	2	5
270	DH72108089	Huỳnh Ngọc Nguyệt	Thào	D21_MAR03	29	28	-	-	-	-	1	-	-	0
271	DH72108779	Lý Thanh	Thào	D21_MAR03	9	-	-	-	0.5	-	8.5	-	-	1
272	DH72107264	Dương Thành	Thắng	D21_MAR03	4	-	-	-	0.5	-	1.5	2	-	6
273	DH72108031	Đặng Thị Mỹ	Thơ	D21_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
274	DH72100549	Võ Ngọc Mai	Tiên	D21_MAR03	7.5	-	-	-	0.5	-	7	-	-	2.5
275	DH72107560	Phạm Anh	Tiếp	D21_MAR03	3	-	-	-	0.5	-	1.5	1	-	7
276	DH72107404	Trần Bích	Tô	D21_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
277	DH72101179	Mat Linh	Trang	D21_MAR03	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
278	DH72107777	Phạm Thị Mai	Trang	D21_MAR03	40.5	-	-	-	-	-	40.5	-	-	0
279	DH72100446	Lâm Đức	Trí	D21_MAR03	31	28	-	-	-	-	3	-	-	0
280	DH72107476	Ngô Hồng ánh	Trúc	D21_MAR03	37	28.5	-	-	-	-	8.5	-	-	0
281	DH72104144	Nguyễn Trần Anh	Tú	D21_MAR03	9	-	-	-	0.5	-	6.5	-	2	1
282	DH72108934	Võ Văn	Tuấn	D21_MAR03	5.5	-	-	-	3.5	-	1	1	-	4.5
283	DH72101230	Quan Quốc	Uy	D21_MAR03	41	28	-	-	-	-	13	-	-	0
284	DH72106132	Võ Thị	Vân	D21_MAR03	20.5	17	-	-	-	-	3.5	-	-	0
285	DH72108206	Nguyễn Văn	Vinh	D21_MAR03	7	-	-	-	3.5	-	2.5	1	-	3
286	DH72108090	Nguyễn T Vương Triệt Vy		D21_MAR03	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
287	DH72107643	Lê Nguyễn Hồng	Xuân	D21_MAR03	10.5	0.5	-	-	0.5	-	9.5	-	-	0
288	DH72108158	Trần Thị Ngọc	Yến	D21_MAR03	15	-	-	-	-	4.5	10.5	-	-	0
289	DH72100445	Cao Thị Thùy	An	D21_MAR04	6	0.5	-	-	2.5	-	3	-	-	4
290	DH72108257	Lê Huỳnh	Anh	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
291	DH72109606	Nguyễn Lan	Anh	D21_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
292	DH72106126	Nguyễn Thị Lan	Anh	D21_MAR04	10	-	-	-	2.5	-	7.5	-	-	0
293	DH72109620	Vương Thị Mai	Anh	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
294	DH72108669	Lâm Vũ	Bảo	D21_MAR04	13.5	13.5	-	-	-	-	-	-	-	0
295	DH72100513	Phạm Thanh	Bình	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
296	DH72100872	Trương Thanh	Bình	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
297	DH72100013	Huỳnh Bửu	Doanh	D21_MAR04	8.5	-	-	-	2.5	-	6	-	-	1.5
298	DH72103400	Nguyễn Thị Hồng	Đào	D21_MAR04	10.5	0.5	0.5	-	-	8.5	1	-	-	0
299	DH72110833	Nguyễn Thành	Được	D21_MAR04	4.5	-	-	-	3	-	0.5	1	-	5.5
300	DH72103647	Dương Minh	Hải	D21_MAR04	62	17.5	-	-	-	-	44.5	-	-	0
301	DH72109743	Châu Nhật	Hào	D21_MAR04	10	-	-	-	3	-	7	-	-	0
302	DH72101049	Phạm Trần Duy	Hân	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
303	DH72107480	Phùng Gia	Hân	D21_MAR04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
304	DH72110888	Trương Minh	Hiển	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
305	DH72113085	Đinh Thị Thúy	Hồng	D21_MAR04	64.5	-	-	-	-	-	64.5	-	-	0
306	DH72111005	Lê Anh	Huy	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
307	DH71905623	Nguyễn Hoàng	Huy	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
308	DH72106119	Nguyễn Quốc	Hưng	D21_MAR04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
309	DH72113007	Trần Thị Thu	Hương	D21_MAR04	3.5	-	-	-	2	-	1.5	-	-	6.5
310	DH72109872	Nguyễn Bảo	Khang	D21_MAR04	23.5	21.5	-	-	-	-	2	-	-	0
311	DH72108095	Phan Gia	Khánh	D21_MAR04	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
312	DH72114203	Nguyễn Thị Diễm	Kiều	D21_MAR04	21	20	-	-	-	-	1	-	-	0
313	DH72109916	Đặng Thu	Liên	D21_MAR04	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
314	DH72108062	Phạm Hoàng Trúc	Linh	D21_MAR04	28	22	-	-	-	-	6	-	-	0
315	DH72109978	Nguyễn Thị Như	Mai	D21_MAR04	18	15.5	0.5	-	-	-	2	-	-	0
316	DH72114302	Phạm Thị Tuyết	Mai	D21_MAR04	2	0.5	-	-	0.5	-	1	-	-	8
317	DH72109993	Huỳnh Thị Trà	My	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
318	DH72114115	Lê Nhật	Nam	D21_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
319	DH72104608	Phan Trọng	Nam	D21_MAR04	3	-	-	-	-	-	-	-	3	7
320	DH72106175	Bùi Phạm Tú	Ngân	D21_MAR04	5.5	-	-	-	2	-	3.5	-	-	4.5
321	DH72110013	Bùi Thị Kim	Ngân	D21_MAR04	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
322	DH72100550	Lê Tuyết	Ngân	D21_MAR04	2.5	-	-	-	2	-	0.5	-	-	7.5
323	DH72101441	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	D21_MAR04	18	18	-	-	-	-	-	-	-	0
324	DH72101311	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_MAR04	11	-	0.5	-	1	-	9.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
325	DH72113425	Lê Thanh	Nguyễn	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
326	DH72110053	Triệu Ngọc Thảo	Nguyễn	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
327	DH72100025	Lâm Thiện	Nhân	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
328	DH72114676	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_MAR04	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
329	DH72114647	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
330	DH72110087	Trần Ngọc Thái	Nhi	D21_MAR04	34.5	28	-	-	-	-	6.5	-	-	0
331	DH72105725	Trần Yến	Nhi	D21_MAR04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
332	DH72110103	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
333	DH72110108	Hồ Phương	Như	D21_MAR04	1.5	-	-	-	1	-	0.5	-	-	8.5
334	DH72101435	Trần Thị Kim	Oanh	D21_MAR04	6.5	-	-	-	5.5	-	1	-	-	3.5
335	DH72105784	Mai Hưng	Phát	D21_MAR04	23	18	-	-	-	-	2	-	3	0
336	DH72101997	Phan Lê Loan	Phượng	D21_MAR04	18	18	-	-	-	-	-	-	-	0
337	DH72100470	Lê Minh	Quân	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
338	DH72110179	Võ Hữu	Quốc	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
339	DH72104575	Phạm Thị	Quý	D21_MAR04	13	-	-	-	1.5	-	11.5	-	-	0
340	DH72114411	Phạm Ngọc	Sang	D21_MAR04	5	-	-	-	2.5	-	2.5	-	-	5
341	DH72110251	Nguyễn Phương	Thảo	D21_MAR04	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
342	DH72114304	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D21_MAR04	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
343	DH72114471	Nguyễn Chí	Thạo	D21_MAR04	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
344	DH72110320	Tạ Vũ Anh	Thư	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
345	DH72110346	Hoàng Tô Đức	Toàn	D21_MAR04	4	-	-	-	1	-	3	-	-	6
346	DH72101166	Phạm Ngọc Thùy	Trang	D21_MAR04	7	-	-	-	5.5	-	1.5	-	-	3
347	DH72100076	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	D21_MAR04	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
348	DH72110387	Liêu Thanh Ngọc	Trinh	D21_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
349	DH72110392	Đặng Hữu	Trọng	D21_MAR04	5.5	-	-	-	2	-	3.5	-	-	4.5
350	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh	Trúc	D21_MAR04	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
351	DH72100551	Phạm Thanh	Trường	D21_MAR04	2	-	-	-	2	-	-	-	-	8
352	DH72100573	Huỳnh Ngọc Minh	Tuấn	D21_MAR04	8.5	-	-	-	5.5	-	3	-	-	1.5
353	DH72110436	Bùi Thị Kim	Tuyền	D21_MAR04	3.5	-	-	-	2.5	-	1	-	-	6.5
354	DH72113872	Nguyễn Việt Minh	Vũ	D21_MAR04	25.5	21.5	-	-	-	-	4	-	-	0
355	DH72110485	Văn Đình Nguyễn	Vũ	D21_MAR04	3.5	-	-	-	1	-	2.5	-	-	6.5
356	DH72110504	Trần Lê Yến	Vy	D21_MAR04	9	-	-	-	3	-	6	-	-	1
357	DH72109585	Đặng Trường	An	D21_MAR05	5	-	-	-	2.5	-	2.5	-	-	5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
358	DH72109641	Trần Thị Nhã	Ca	D21_MAR05	8	-	-	7	-	-	1	-	-	2
359	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn	Cầu	D21_MAR05	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
360	DH72114156	Trần Đăng	Cơ	D21_MAR05	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
361	DH72113762	Đoàn Thị Xuân	Diệu	D21_MAR05	12	10	-	-	-	-	2	-	-	0
362	DH72113122	Nguyễn Thành	Đạt	D21_MAR05	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
363	DH72109720	Nguyễn Trà	Giang	D21_MAR05	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
364	DH72109733	Nguyễn Hồng	Hà	D21_MAR05	23.5	16.5	-	-	1.5	-	5.5	-	-	0
365	DH72109735	Nguyễn Ngọc Ngân	Hà	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
366	DH72109771	Trịnh Thị Ngọc	Hân	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
367	DH72114515	Nguyễn Thục	Hiền	D21_MAR05	55.5	-	-	-	-	-	55.5	-	-	0
368	DH72113291	Huỳnh Trung	Hiếu	D21_MAR05	11	0.5	0.5	-	0.5	-	8.5	-	1	0
369	DH72109800	Đặng Thu	Hoài	D21_MAR05	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
370	DH72109851	Trịnh Mỹ	Huyền	D21_MAR05	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
371	DH72112729	Võ Thu	Huyền	D21_MAR05	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
372	DH72109860	Lê Thị Thu	Hương	D21_MAR05	10	-	-	1	3.5	-	5.5	-	-	0
373	DH72109893	Nguyễn Ngọc Minh	Khuê	D21_MAR05	19.5	15	-	-	1.5	-	3	-	-	0
374	DH72109894	Huỳnh Nguyễn Gia	Khương	D21_MAR05	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
375	DH72113032	Nghiêm Thị Huyền	Linh	D21_MAR05	12.5	-	-	-	-	-	11.5	-	1	0
376	DH72109929	Nguyễn Thị Kiều	Linh	D21_MAR05	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
377	DH72109932	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D21_MAR05	10	-	-	7	-	-	3	-	-	0
378	DH72109944	Hồ Thị Hồng	Loan	D21_MAR05	8	-	-	1	-	-	7	-	-	2
379	DH72109982	Đình Công	Mạnh	D21_MAR05	8.5	0.5	-	1	-	-	7	-	-	1.5
380	DH72113556	Trần Thị Thảo	My	D21_MAR05	20.5	8.5	-	-	1	-	10	-	1	0
381	DH72110023	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D21_MAR05	10	10	-	-	-	-	-	-	-	0
382	DH72110032	Trương Thị Tuyết	Ngân	D21_MAR05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
383	DH72110037	Huỳnh Ninh Yên	Ngọc	D21_MAR05	8.5	-	-	-	-	-	8.5	-	-	1.5
384	DH72110041	Ngô Thị Cẩm	Ngọc	D21_MAR05	21.5	16.5	-	-	-	-	5	-	-	0
385	DH72110058	Phạm Thị Thanh	Nhàn	D21_MAR05	9	-	-	-	0.5	-	8.5	-	-	1
386	DH72110082	Nguyễn Trần Yên	Nhi	D21_MAR05	7.5	0.5	-	-	1	-	6	-	-	2.5
387	DH72110123	Đặng Thị Hoàng	Oanh	D21_MAR05	12	-	-	3	0.5	-	6.5	-	2	0
388	DH72110132	Đình Thị	Phấn	D21_MAR05	5.5	0.5	-	-	0.5	-	3.5	1	-	4.5
389	DH72110134	Nguyễn Tiến	Phong	D21_MAR05	5.5	-	-	1	-	-	4.5	-	-	4.5
390	DH72110142	Nguyễn Mai Hoàng	Phúc	D21_MAR05	8	0.5	-	1	0.5	-	6	-	-	2

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
391	DH72110143	Nguyễn Trọng	Phúc	D21_MAR05	2	-	-	-	1	-	1	-	-	8
392	DH72113470	Trần Hoàng	Phúc	D21_MAR05	4.5	-	-	-	1	-	3.5	-	-	5.5
393	DH72110158	Vũ Thị Thanh	Phuong	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
394	DH72110176	La Tâm	Quốc	D21_MAR05	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
395	DH72110201	Nguyễn Đình Thị Yến	Quỳnh	D21_MAR05	21	18.5	-	-	-	-	1.5	-	1	0
396	DH72110221	Nguyễn Tấn	Tài	D21_MAR05	12	-	-	-	-	-	12	-	-	0
397	DH72110240	Phạm Văn	Thao	D21_MAR05	7	-	-	-	2.5	-	4.5	-	-	3
398	DH72110258	Tổng Phương	Thảo	D21_MAR05	12	0.5	-	2	-	-	9.5	-	-	0
399	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D21_MAR05	9.5	0.5	-	2	-	-	7	-	-	0.5
400	DH72114612	Trần Đăng Xuân	Thắng	D21_MAR05	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
401	DH72110281	Huỳnh Thị Kim	Thoa	D21_MAR05	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
402	DH72110291	Cao Bảo	Thuận	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
403	DH72110308	Tài Nữ An	Thuyên	D21_MAR05	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
404	DH72110321	Trần Huỳnh Ngọc	Thư	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
405	DH72110324	Văn Thị Anh	Thư	D21_MAR05	6	-	-	-	3	-	3	-	-	4
406	DH72110343	Lê Anh	Toại	D21_MAR05	19	12	-	-	-	-	5	-	2	0
407	DH72112927	Nguyễn Ngọc	Trác	D21_MAR05	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
408	DH72110364	Lê Thị Ngọc	Trâm	D21_MAR05	8	-	-	-	0.5	-	7.5	-	-	2
409	DH72110370	Phạm Mỹ Phương	Trâm	D21_MAR05	6	-	-	-	3	-	3	-	-	4
410	DH72110375	Lý Ngọc Bảo	Trần	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
411	DH72110379	Nguyễn Trần Bảo	Trần	D21_MAR05	23.5	16.5	-	-	1.5	-	5.5	-	-	0
412	DH72110389	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trinh	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
413	DH72113359	Lê Diệp Thanh	Trúc	D21_MAR05	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
414	DH72110410	Đặng Bảo Ngọc	Trung	D21_MAR05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
415	DH72114563	Nguyễn ánh	Tuyết	D21_MAR05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
416	DH72110458	Mai Thị Phương	Uyên	D21_MAR05	10	-	-	5	-	-	5	-	-	0
417	DH72110472	Phạm Lê Thảo	Vân	D21_MAR05	9.5	0.5	-	2	-	-	7	-	-	0.5
418	DH72110478	Tiết Khánh	Vi	D21_MAR05	3.5	-	-	-	2	-	1.5	-	-	6.5
419	DH72110480	Trương Nguyễn Thúy	Vi	D21_MAR05	6.5	-	-	6	-	-	0.5	-	-	3.5
420	DH72110495	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	D21_MAR05	4	-	-	-	2.5	-	1.5	-	-	6
421	DH72110496	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	D21_MAR05	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
422	DH72110499	Nguyễn Trúc	Vy	D21_MAR05	4	-	-	-	2.5	-	1.5	-	-	6
423	DH72110515	Bùi Thị	Yến	D21_MAR05	13.5	10.5	-	-	-	-	2	-	1	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
424	DH72106627	Nguyễn Hồng	Anh	D21_TC01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
425	DH72105313	Đặng Minh	Chí	D21_TC01	9	-	-	1	0.5	-	7.5	-	-	1
426	DH72100229	Đoàn Phương	Dung	D21_TC01	6.5	-	-	-	0.5	-	3	3	-	3.5
427	DH72106776	Lê Dương Ngọc	Dung	D21_TC01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
428	DH72104544	Lê Quỳnh	Giang	D21_TC01	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
429	DH72107465	Lê Nhật	Hào	D21_TC01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
430	DH72102489	Huỳnh Thị Hiếu	Hân	D21_TC01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
431	DH72107145	Vũ Thị Tuyết	Hậu	D21_TC01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
432	DH72108370	Đình Thị Kim	Hiền	D21_TC01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
433	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	D21_TC01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
434	DH72106053	Trần Vũ Quang	Huy	D21_TC01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
435	DH72106395	Nguyễn Thanh	Hương	D21_TC01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
436	DH72105152	Lê Tuấn	Kiệt	D21_TC01	7	-	-	-	0.5	-	6.5	-	-	3
437	DH72105969	Huỳnh Đông	Lai	D21_TC01	11.5	-	2	3	0.5	5	1	-	-	0
438	DH72100479	Võ Thị Hoàng	Lan	D21_TC01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
439	DH72100546	Phạm Thị Kim	Loan	D21_TC01	3	-	-	-	1.5	-	1.5	-	-	7
440	DH72106716	Nguyễn Đoàn Đức	Mạnh	D21_TC01	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
441	DH72107444	Nguyễn Thị Kiều	Mến	D21_TC01	6	-	-	1	2.5	-	2.5	-	-	4
442	DH72100105	Lê Thị Thùy	Ngân	D21_TC01	20.5	17.5	-	-	-	-	3	-	-	0
443	DH72100758	Lê Thị Hồng	Ngọc	D21_TC01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
444	DH72107357	Lê Thị Kim	Ngọc	D21_TC01	15.5	-	-	-	0.5	-	12	-	3	0
445	DH72107770	Lữ Như	Ngọc	D21_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
446	DH72105117	Trần Hồng	Ngọc	D21_TC01	14.5	-	-	-	0.5	-	11	-	3	0
447	DH72108273	Nguyễn Ngọc	Nguyên	D21_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
448	DH72106570	Trần Tài	Nguyên	D21_TC01	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
449	DH72106518	Lê Trương Thảo	Nhi	D21_TC01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
450	DH72106578	Mai Thị Tuyết	Nhi	D21_TC01	20	18	-	-	-	-	2	-	-	0
451	DH72107781	Phạm Dương Uyên	Nhi	D21_TC01	16.5	15	-	-	-	-	1.5	-	-	0
452	DH72108537	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D21_TC01	6.5	-	-	1	0.5	-	5	-	-	3.5
453	DH72107432	Lê Huỳnh	Như	D21_TC01	5.5	-	-	-	1	-	4.5	-	-	4.5
454	DH72105571	Ngô Tấn	Phát	D21_TC01	8	-	-	-	0.5	-	7.5	-	-	2
455	DH72108817	Nguyễn Đào Gia	Phụng	D21_TC01	25	18	-	-	-	-	7	-	-	0
456	DH72101483	Phan Hồng	Phương	D21_TC01	11	-	-	-	2	2	4	-	3	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
490	DH72103098	Đỗ Tuấn	Đạt	D21_TC02	11	-	-	-	-	8.5	2.5	-	-	0
491	DH72109748	Nguyễn Quang	Hào	D21_TC02	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6
492	DH72109768	Phạm Bửu	Hân	D21_TC02	43	33.5	-	-	-	-	9.5	-	-	0
493	DH72109787	Trần Thị	Hiền	D21_TC02	16	11.5	0.5	-	-	-	4	-	-	0
494	DH72100459	Nguyễn Ngô Trung	Hiếu	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
495	DH72109796	Âu Mỹ	Hoa	D21_TC02	12	-	-	7	1.5	-	3.5	-	-	0
496	DH72114177	Mai Huỳnh	Huy	D21_TC02	4	0.5	-	-	0.5	-	3	-	-	6
497	DH72109841	Nguyễn Minh Nhật	Huy	D21_TC02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
498	DH72001799	Nguyễn Thanh	Huy	D21_TC02	28	28	-	-	-	-	-	-	-	0
499	DH72105212	Nguyễn Thị Phương	Huyền	D21_TC02	206	134	0.5	-	-	-	67.5	-	4	0
500	DH72109903	Lê Võ Hoàng	Kim	D21_TC02	3	-	-	-	2.5	-	0.5	-	-	7
501	DH72100728	Nguyễn Ngọc	Lâm	D21_TC02	3	-	-	-	-	-	-	1	2	7
502	DH72112860	Huỳnh	Lê	D21_TC02	3.5	-	-	-	2.5	-	1	-	-	6.5
503	DH72109914	Đình Thanh	Liêm	D21_TC02	9	-	-	2	1	-	5	1	-	1
504	DH72109919	Chung Hoàng	Linh	D21_TC02	12.5	0.5	-	4	0.5	-	7.5	-	-	0
505	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương	Linh	D21_TC02	9	0.5	-	-	1.5	-	7	-	-	1
506	DH72101708	Trần Gia Khánh	Linh	D21_TC02	17.5	15	-	-	-	-	2.5	-	-	0
507	DH72109940	Trần Thị Mỹ	Linh	D21_TC02	11	-	-	6	0.5	-	4.5	-	-	0
508	DH72114652	Kiều Doãn	Lưu	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
509	DH72109973	Đỗ Thị Thanh	Mai	D21_TC02	25.5	0.5	-	12	-	-	12	1	-	0
510	DH72114739	Phạm Đăng Hiếu	Ngân	D21_TC02	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
511	DH72114362	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D21_TC02	51.5	0.5	-	-	-	-	51	-	-	0
512	DH72110045	Trần ái	Ngọc	D21_TC02	15	-	-	13	-	-	1	1	-	0
513	DH72110052	Nguyễn Thảo	Nguyên	D21_TC02	10.5	-	-	-	3	-	7.5	-	-	0
514	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	D21_TC02	5	0.5	-	-	0.5	-	4	-	-	5
515	DH72101568	Trần Đức	Nhiên	D21_TC02	9	0.5	-	-	-	-	8.5	-	-	1
516	DH72110127	Nguyễn Thành	Phát	D21_TC02	10	-	-	-	2	-	8	-	-	0
517	DH72103364	Nguyễn Thị Thu	Phương	D21_TC02	9.5	-	-	-	0.5	-	8	1	-	0.5
518	DH72110175	Hoàng Gia Anh	Quốc	D21_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
519	DH72101551	Nguyễn Minh	Quý	D21_TC02	9	-	-	-	0.5	-	8.5	-	-	1
520	DH72111678	Phan Lương	Sỹ	D21_TC02	39	30	-	-	-	-	7	-	2	0
521	DH72100336	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	D21_TC02	8	-	0.5	-	0.5	-	7	-	-	2
522	DH72110233	Phạm Trần Văn	Thanh	D21_TC02	19.5	5.5	-	-	-	-	14	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
556	DH72109994	Nguyễn Lê Trà	My	D21_TC03	15	-	1	-	-	-	14	-	-	0
557	DH72110011	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_TC03	11	-	0.5	-	2.5	-	8	-	-	0
558	DH72110012	Quách Ngọc	Nga	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
559	DH72110015	Đặng Huỳnh Thiên	Ngân	D21_TC03	9.5	-	-	-	2.5	-	7	-	-	0.5
560	DH72110021	Nguyễn Kim	Ngân	D21_TC03	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
561	DH72110029	Phụng Châu Tuyết	Ngân	D21_TC03	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
562	DH72110063	Phạm Nguyễn Thành	Nhân	D21_TC03	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
563	DH72113827	La Thị Xuân	Nhi	D21_TC03	5.5	-	-	-	1	-	4.5	-	-	4.5
564	DH72110072	Lê Hoài	Nhi	D21_TC03	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
565	DH72105151	Trần Phạm Huyền	Nhi	D21_TC03	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
566	DH72110098	Lê Thị Hồng	Nhung	D21_TC03	11.5	-	-	-	1.5	-	10	-	-	0
567	DH72110139	Mai Trọng	Phúc	D21_TC03	190	125	-	1	-	-	61.5	-	3	0
568	DH72113308	Hồ Như	Phụng	D21_TC03	3	-	-	-	2.5	-	0.5	-	-	7
569	DH72111645	Nguyễn Vân	Quỳnh	D21_TC03	10.5	-	-	-	2.5	-	8	-	-	0
570	DH72110213	Vũ Cao	Sáng	D21_TC03	27	24.5	-	-	-	-	2.5	-	-	0
571	DH72110239	Tạ Phúc	Thành	D21_TC03	3.5	-	-	-	1.5	-	2	-	-	6.5
572	DH72114056	Trịnh Công	Thành	D21_TC03	1.5	-	0.5	-	-	-	1	-	-	8.5
573	DH72110277	Vũ Khánh	Thiện	D21_TC03	11	-	-	-	-	-	11	-	-	0
574	DH72113943	Lê Minh	Tiến	D21_TC03	4.5	-	0.5	-	0.5	-	3.5	-	-	5.5
575	DH72110355	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D21_TC03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
576	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc	Trâm	D21_TC03	11	-	-	-	0.5	-	10.5	-	-	0
577	DH72110383	Trần Minh	Trí	D21_TC03	27.5	24	-	-	-	-	2.5	1	-	0
578	DH72110395	Dương Ngọc Thanh	Trúc	D21_TC03	9	1	-	3	1.5	-	3.5	-	-	1
579	DH72110407	Trần Thị Thanh	Trúc	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
580	DH72110411	Lại Quốc	Trung	D21_TC03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
581	DH72110420	Nguyễn Trần Tiến	Trường	D21_TC03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
582	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	D21_TC03	10.5	1.5	0.5	4	-	-	4.5	-	-	0
583	DH72106061	Huỳnh Cao Phương	Vy	D21_TC03	2	-	-	-	0.5	-	1.5	-	-	8
584	DH72110511	Lê Thị Mỹ	ý	D21_TC03	39	33	-	-	-	-	6	-	-	0
585	DH72110524	Phạm Thị Ngọc	Yến	D21_TC03	8.5	-	-	-	3.5	-	5	-	-	1.5
586	DH72114007	Phan Phụng Bảo	Yến	D21_TC03	106	78.5	-	-	-	-	25.5	-	2	0
587	DH72200297	Hà Huỳnh Thúy	An	D22_KD01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
588	DH72201921	Phí Thị Ngọc	Anh	D22_KD01	4.5	1	-	-	0.5	-	3	-	-	5.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
589	DH72201960	Nguyễn Hoàng	Danh	D22_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
590	DH72201961	Nguyễn Thanh	Danh	D22_KD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
591	DH72201995	Trần Thanh	Duy	D22_KD01	7.5	-	-	-	2	-	4.5	1	-	2.5
592	DH72202005	Nguyễn Thị Thu	Duyên	D22_KD01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
593	DH72202007	Trần Thị Mỹ	Duyên	D22_KD01	11	1	-	-	2.5	-	4	-	3.5	0
594	DH72202014	Lê Nguyễn Thanh	Giàu	D22_KD01	5.5	-	1	-	0.5	-	4	-	-	4.5
595	DH72202040	Trương Gia	Hào	D22_KD01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
596	DH72202065	Lê Thanh	Hoài	D22_KD01	4.5	-	-	-	0.5	-	2	-	2	5.5
597	DH72202070	Nguyễn Kim	Hồng	D22_KD01	18.5	1	-	-	2.5	-	9.5	1	4.5	0
598	DH72202120	Nguyễn Đình	Khôi	D22_KD01	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
599	DH72202132	Trương Tuấn	Kiệt	D22_KD01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
600	DH72202143	Ngô Thị Bích	Liên	D22_KD01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
601	DH72202148	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D22_KD01	6.5	1	-	-	2.5	-	3	-	-	3.5
602	DH72202177	Võ Thị Ngọc	Mai	D22_KD01	6.5	-	-	-	0.5	-	6	-	-	3.5
603	DH72202187	Nguyễn Thảo	My	D22_KD01	5.5	1	-	-	2.5	-	2	-	-	4.5
604	DH72202195	Lê Võ Hoàng	Nam	D22_KD01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
605	DH72202210	Nguyễn Kim	Ngân	D22_KD01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
606	DH72007062	Nguyễn Nguyên Thanh Nhã		D22_KD01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
607	DH72108830	Nguyễn Thiện	Nhiên	D22_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
608	DH72202280	Nguyễn Lâm Thuận	Phát	D22_KD01	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
609	DH72201220	Lý Thế	Phú	D22_KD01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
610	DH72202286	Trần Minh	Phúc	D22_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
611	DH72106725	Trần Thanh Thái	Son	D22_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
612	DH72202335	Lê Nhật	Thạch	D22_KD01	1.5	-	-	1	0.5	-	-	-	-	8.5
613	DH72100480	Trần Ngọc	Thạch	D22_KD01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
614	DH72202348	Đặng Hoàng Thanh	Thào	D22_KD01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
615	DH72202354	Nguyễn Thanh	Thào	D22_KD01	7	-	-	-	0.5	-	3.5	-	3	3
616	DH72202360	Phạm Thị Thanh	Thào	D22_KD01	6	-	-	-	0.5	-	4.5	1	-	4
617	DH72100541	Trương Quốc	Thắng	D22_KD01	18.5	17	-	-	-	-	1.5	-	-	0
618	DH72202339	Nguyễn Thị Kim	Thân	D22_KD01	5.5	-	0.5	-	-	-	-	-	5	4.5
619	DH72202385	Nguyễn Mộng Anh	Thư	D22_KD01	7.5	-	-	-	0.5	-	4	-	3	2.5
620	DH72202394	Trần Ngọc Hoài	Thương	D22_KD01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
621	DH72202405	Huỳnh Lê Ngọc Thủy	Tiên	D22_KD01	12	5	-	-	-	-	2	-	5	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
655	DH72202252	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D22_KD02	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
656	DH72202261	Võ Thị Yến	Nhi	D22_KD02	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
657	DH72202281	Trần Quảng	Phát	D22_KD02	1.5	1	-	-	-	-	0.5	-	-	8.5
658	DH72202290	Nguyễn Duy	Phước	D22_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
659	DH72202312	Thái Như	Quỳnh	D22_KD02	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
660	DH72202322	Nguyễn Ngọc	Tài	D22_KD02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
661	DH72202331	Vương Thị Minh	Tâm	D22_KD02	16	12	0.5	-	0.5	-	3	-	-	0
662	DH72202349	Đặng Thụy Phương	Thảo	D22_KD02	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
663	DH72202376	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D22_KD02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
664	DH72202409	Nguyễn Thanh	Toàn	D22_KD02	8	-	-	-	0.5	-	7.5	-	-	2
665	DH72202439	Trần Võ Đoan	Trang	D22_KD02	5	-	-	3	0.5	-	1.5	-	-	5
666	DH72202441	Trương Thùy	Trang	D22_KD02	12	0.5	0.5	-	-	-	11	-	-	0
667	DH72202429	Tiêu Bảo	Trần	D22_KD02	4	1	-	-	0.5	-	1.5	1	-	6
668	DH72202465	Nguyễn Thị Oanh	Trúc	D22_KD02	0.5	-	0.5	-	-	-	-	-	-	9.5
669	DH72202467	Trần Thị Thanh	Trúc	D22_KD02	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
670	DH72202523	Phạm Thị Tường	Vy	D22_KD02	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
671	DH72200303	Nguyễn Hoàng	An	D22_MAR01	1.5	-	-	-	0.5	-	-	1	-	8.5
672	DH72201949	Trần Minh	Chiến	D22_MAR01	8.5	-	0.5	-	-	-	8	-	-	1.5
673	DH72200134	Huỳnh Tấn	Cường	D22_MAR01	28	28	-	-	-	-	-	-	-	0
674	DH72200146	Phạm Nguyễn Nhật	Duy	D22_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
675	DH72202006	Phạm Nguyễn Phương	Duyên	D22_MAR01	7	-	0.5	-	-	-	6.5	-	-	3
676	DH72100466	Trần Đại	Dương	D22_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
677	DH72202016	Nguyễn Ngọc	Hà	D22_MAR01	2.5	-	-	-	-	-	0.5	-	2	7.5
678	DH72202030	Đỗ Thị Thu	Hằng	D22_MAR01	11	-	0.5	-	-	-	10.5	-	-	0
679	DH72202033	Nguyễn Vũ Thị Thu	Hằng	D22_MAR01	5	-	1	-	-	-	1	-	3	5
680	DH72202050	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D22_MAR01	15	-	-	-	2.5	-	9.5	3	-	0
681	DH72200157	Nguyễn Đức Bạch	Hiếu	D22_MAR01	68	50	-	-	-	-	18	-	-	0
682	DH72200769	Lê Lâm	Huy	D22_MAR01	41.5	24	-	4	-	-	13.5	-	-	0
683	DH72202092	Nguyễn Minh	Huy	D22_MAR01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
684	DH72202081	Phạm Thanh	Hương	D22_MAR01	2.5	-	-	-	2	-	0.5	-	-	7.5
685	DH72114310	Phan Thị Thu	Hương	D22_MAR01	5	-	1.5	-	-	-	1.5	-	2	5
686	DH72202106	Nguyễn Bá Minh	Khang	D22_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
687	DH72200900	Dương Đăng	Khoa	D22_MAR01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
688	DH72202123	Nguyễn Phước	Khôi	D22_MAR01	6.5	-	-	4	-	-	2.5	-	-	3.5
689	DH72202128	Lê Tuấn	Kiệt	D22_MAR01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
690	DH72202137	Phùng Huỳnh	Lâm	D22_MAR01	10.5	3	-	-	-	-	4.5	-	3	0
691	DH72202146	Huỳnh Thị Thùy	Linh	D22_MAR01	11.5	1	0.5	9	-	-	1	-	-	0
692	DH72111304	Lê Trần Ngọc	Minh	D22_MAR01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
693	DH72202201	Cao Thanh	Ngân	D22_MAR01	11.5	-	0.5	-	2	-	9	-	-	0
694	DH72202231	Trần Thị Kim	Nguyễn	D22_MAR01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
695	DH72202236	Nguyễn Hoa Phong	Nhã	D22_MAR01	6	-	-	-	3.5	-	2.5	-	-	4
696	DH72202254	Phạm Yến	Nhi	D22_MAR01	12	1	0.5	5	-	-	3.5	-	2	0
697	DH72114742	Trần Huỳnh Thảo	Nhi	D22_MAR01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
698	DH72202259	Trịnh Nguyễn An	Nhi	D22_MAR01	9.5	-	0.5	2	2	-	3	2	-	0.5
699	DH72202262	Lê Thị Huỳnh	Như	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
700	DH72202265	Nguyễn Quỳnh	Như	D22_MAR01	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6
701	DH72202269	Phan Thị Huỳnh	Như	D22_MAR01	10	-	-	3	-	-	7	-	-	0
702	DH72111494	Nguyễn Hoàng	Phong	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
703	DH72202300	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	D22_MAR01	10	-	-	1	0.5	-	8.5	-	-	0
704	DH72201307	Nguyễn Phúc Toàn	Quang	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
705	DH72202332	Đoàn Quốc	Tân	D22_MAR01	2.5	-	-	1	-	-	1.5	-	-	7.5
706	DH72201409	Huỳnh Nhật	Tân	D22_MAR01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
707	DH72201457	Lý Quán	Thành	D22_MAR01	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
708	DH72202357	Nguyễn Thu	Thảo	D22_MAR01	8.5	-	0.5	1	-	-	7	-	-	1.5
709	DH72201495	Lê Hoàng Phú	Thịnh	D22_MAR01	6.5	-	-	1	1	-	4.5	-	-	3.5
710	DH72101517	Trương Hoàng	Thọ	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
711	DH72202397	Đoàn Huỳnh Mỹ	Thuy	D22_MAR01	11	-	-	1	0.5	-	6.5	-	3	0
712	DH72202383	Nguyễn Anh	Thư	D22_MAR01	7.5	-	-	1	3.5	-	3	-	-	2.5
713	DH72202388	Phạm Minh	Thư	D22_MAR01	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6
714	DH72202438	Trần Phương	Trang	D22_MAR01	10	-	-	1	3.5	-	2.5	-	3	0
715	DH72202440	Trương Thị Thùy	Trang	D22_MAR01	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
716	DH72202421	Võ Nguyễn Bích	Trâm	D22_MAR01	36.5	7	-	5	-	-	21.5	-	3	0
717	DH72202424	Giàng Mỹ	Trân	D22_MAR01	7	-	1.5	1	0.5	-	4	-	-	3
718	DH72202425	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	D22_MAR01	10	-	0.5	1	2.5	-	3	1	2	0
719	DH72202442	Nguyễn Bảo	Trí	D22_MAR01	4	-	-	1	-	-	2	1	-	6
720	DH72110412	Nguyễn Đoàn Trí	Trung	D22_MAR01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
721	DH72202484	Nguyễn Sơn	Tùng	D22_MAR01	3	-	-	1	-	-	-	-	2	7
722	DH72202513	Lê Hạ	Vy	D22_MAR01	7.5	-	-	1	0.5	-	3	-	3	2.5
723	DH72202520	Nguyễn Triệu	Vy	D22_MAR01	8.5	-	1	2	0.5	-	2	-	3	1.5
724	DH72202521	Nguyễn Vũ Yên	Vy	D22_MAR01	4.5	-	-	2	-	-	0.5	-	2	5.5
725	DH72202528	Bùi Vũ Văn	Vỹ	D22_MAR01	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
726	DH72202530	Ngô Đình	ý	D22_MAR01	2.5	-	-	2	0.5	-	-	-	-	7.5
727	DH72202531	Trần Như	ý	D22_MAR01	10	-	0.5	3	2	-	2.5	2	-	0
728	DH72112131	Nguyễn Hoàng Phi	Yên	D22_MAR01	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
729	DH72201911	Nguyễn Phương	An	D22_MAR02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
730	DH72201920	Phan Thị Kim	Anh	D22_MAR02	10.5	1	-	2	-	-	7.5	-	-	0
731	DH72201939	Lê Huy	Cát	D22_MAR02	8	-	-	2	2.5	-	2.5	1	-	2
732	DH72201944	Quách Ngọc	Châu	D22_MAR02	13	-	-	3	1.5	-	8.5	-	-	0
733	DH72201999	Đinh Thị Ngọc	Duyên	D22_MAR02	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
734	DH72202002	Nguyễn Thị Kim	Duyên	D22_MAR02	3.5	-	-	3	0.5	-	-	-	-	6.5
735	DH72201956	Bùi Đình	Đại	D22_MAR02	14	1	-	4	-	-	9	-	-	0
736	DH72201963	Trần Thị Thanh	Đào	D22_MAR02	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
737	DH72201967	Trần Tấn	Đạt	D22_MAR02	4	-	-	3	-	-	1	-	-	6
738	DH72201978	Đỗ Minh	Đức	D22_MAR02	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
739	DH72202012	Trương Quỳnh	Giao	D22_MAR02	5	-	-	3	-	-	2	-	-	5
740	DH72202039	Trương Gia	Hào	D22_MAR02	6	-	-	3	2.5	-	0.5	-	-	4
741	DH72202032	Nguyễn Nữ Minh	Hằng	D22_MAR02	16.5	1	-	6	0.5	-	9	-	-	0
742	DH72202026	Phạm Thị Thanh	Hân	D22_MAR02	3	-	-	3	-	-	-	-	-	7
743	DH72202087	Nguyễn Anh	Huy	D22_MAR02	8.5	1	-	6	-	-	1.5	-	-	1.5
744	DH72202098	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	D22_MAR02	3.5	-	-	2	0.5	-	1	-	-	6.5
745	DH72202082	Phan Thị Mai	Hương	D22_MAR02	7	-	-	2	0.5	-	4.5	-	-	3
746	DH72202122	Nguyễn Minh	Khôi	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
747	DH72202130	Nguyễn Gia	Kiệt	D22_MAR02	4	-	-	2	1.5	-	0.5	-	-	6
748	DH72202138	Nguyễn Ngọc	Lan	D22_MAR02	3.5	-	-	2	0.5	-	1	-	-	6.5
749	DH72202169	Trần Thị Diệu	Ly	D22_MAR02	10	-	-	2	2	-	6	-	-	0
750	DH72202173	Lê Ngọc	Mai	D22_MAR02	2.5	-	-	2	0.5	-	-	-	-	7.5
751	DH72202174	Nguyễn Thị Hiền	Mai	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
752	DH72202175	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	D22_MAR02	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
753	DH72202185	Nguyễn Hồng Thảo	My	D22_MAR02	4	-	-	2	1	-	1	-	-	6

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
754	DH72202190	Phan Thảo	My	D22_MAR02	4.5	-	-	2	-	-	1.5	1	-	5.5
755	DH72202203	Huỳnh Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	6.5	-	-	2	-	-	3.5	1	-	3.5
756	DH72202209	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	D22_MAR02	19.5	5	-	2	-	-	12.5	-	-	0
757	DH72202212	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D22_MAR02	9.5	-	-	2	2.5	-	5	-	-	0.5
758	DH72202216	Trần Thị Thúy	Ngân	D22_MAR02	10.5	-	-	2	2	-	6.5	-	-	0
759	DH72202221	Trần Gia	Nghi	D22_MAR02	9.5	1	-	2	-	-	4.5	2	-	0.5
760	DH72202233	Trần Thị Thảo	Nguyễn	D22_MAR02	12	-	-	2	2.5	-	7.5	-	-	0
761	DH72202238	Nguyễn Chí Thành	Nhân	D22_MAR02	8	1	-	2	2.5	-	2.5	-	-	2
762	DH72202246	Huỳnh Ngọc	Nhi	D22_MAR02	14	3	-	2	-	-	9	-	-	0
763	DH72202258	Trịnh Hà Tú	Nhi	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
764	DH72202266	Nguyễn Thanh	Như	D22_MAR02	5.5	-	-	2	2.5	-	1	-	-	4.5
765	DH72202275	Nguyễn Hoàng	Oanh	D22_MAR02	4	-	-	2	0.5	-	1.5	-	-	6
766	DH72202302	Trần Hoàng	Quân	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
767	DH72202359	Nguyễn Võ Nguyên	Thảo	D22_MAR02	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
768	DH72202362	Phan Nguyễn Phương	Thảo	D22_MAR02	7	-	-	4	0.5	-	2.5	-	-	3
769	DH72202363	Tổng Thị Ngọc	Thảo	D22_MAR02	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
770	DH72202336	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	D22_MAR02	2	-	-	1	0.5	-	0.5	-	-	8
771	DH72202375	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D22_MAR02	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
772	DH72202374	Nguyễn Kim	Thơ	D22_MAR02	2.5	-	-	1	-	-	1.5	-	-	7.5
773	DH72202384	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	D22_MAR02	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
774	DH72202393	Ngô Thị Hồng	Thương	D22_MAR02	94.5	69	-	1	-	-	19	1	4.5	0
775	DH72202436	Nguyễn Thị Thu	Trang	D22_MAR02	4.5	-	-	1	1	-	2.5	-	-	5.5
776	DH72202420	Trần Trúc	Trâm	D22_MAR02	30	24	-	1	-	-	5	-	-	0
777	DH72202422	Phan Thị Ngọc	Trâm	D22_MAR02	5	-	-	3	-	-	2	-	-	5
778	DH72202430	Trần Bảo	Trân	D22_MAR02	10.5	-	-	-	2.5	-	8	-	-	0
779	DH72202446	Lê Ngọc Phương	Trinh	D22_MAR02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
780	DH72202448	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	D22_MAR02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
781	DH72202449	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D22_MAR02	5.5	-	0.5	-	0.5	-	4.5	-	-	4.5
782	DH72202450	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D22_MAR02	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
783	DH72202452	Phan Ngọc	Trinh	D22_MAR02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
784	DH72202458	Du Mỹ	Trúc	D22_MAR02	6.5	1	-	0.5	-	-	3	2	-	3.5
785	DH72202499	Lữ Thị Tuyết	Vân	D22_MAR02	2	-	0.5	-	-	-	1.5	-	-	8
786	DH72202514	Lê Ngọc Thúy	Vy	D22_MAR02	10	-	0.5	-	-	-	9.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
787	DH72202515	Lê Nguyễn Đông	Vy	D22_MAR02	2	-	-	-	0.5	-	0.5	1	-	8
788	DH72202522	Phạm Nguyễn Thảo	Vy	D22_MAR02	5	-	-	-	2	-	3	-	-	5
789	DH72202524	Phạm Tường	Vy	D22_MAR02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
790	DH72202527	Trương Diệp Thúy	Vy	D22_MAR02	2	-	-	-	2	-	-	-	-	8
791	DH72202534	Huỳnh Ngọc Hoàng	Yến	D22_MAR02	17	6	-	-	-	-	11	-	-	0
792	DH72202535	Huỳnh Thị Bảo	Yến	D22_MAR02	5	-	-	4	0.5	-	0.5	-	-	5
793	DH72201922	Trịnh Thị Lan	Anh	D22_MAR03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
794	DH72201932	Hồ Chí	Bảo	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
795	DH72201936	Mạc Thị Ngọc	Bích	D22_MAR03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
796	DH72201937	Hồ Mộng	Cầm	D22_MAR03	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
797	DH72201983	Võ Kim	Dung	D22_MAR03	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
798	DH72201997	Cao Mỹ	Duyên	D22_MAR03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
799	DH72201992	Trần Thị Thùy	Dương	D22_MAR03	2	-	-	-	1.5	-	0.5	-	-	8
800	DH72201970	Võ Hữu	Đạt	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
801	DH72201973	Phạm Quang	Định	D22_MAR03	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
802	DH72202029	Trần Gia	Hân	D22_MAR03	1.5	-	-	-	1	-	0.5	-	-	8.5
803	DH72202044	Nguyễn Thị	Hậu	D22_MAR03	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
804	DH72202051	Phạm Nguyễn Ngọc	Hiền	D22_MAR03	1.5	-	-	-	1.5	-	-	-	-	8.5
805	DH72202066	Nguyễn Phan Mỹ	Hoài	D22_MAR03	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
806	DH72202067	Trần Mỹ	Hoài	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
807	DH72202085	Hoàng Nghĩa Quốc	Huy	D22_MAR03	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
808	DH72202089	Nguyễn Chánh Gia	Huy	D22_MAR03	3	-	-	-	1.5	-	1.5	-	-	7
809	DH72202103	Phan Nguyễn Như	Huỳnh	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
810	DH72202074	Võ Hoàng Tú	Hưng	D22_MAR03	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
811	DH72202108	Phạm Bảo	Khang	D22_MAR03	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
812	DH72202133	Huỳnh Thị Kiều	Kiều	D22_MAR03	41	15.5	-	2	2	-	18.5	-	3	0
813	DH72202135	Võ Cao	Kỳ	D22_MAR03	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
814	DH72202153	Quang Khiết	Linh	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
815	DH72103845	Nguyễn Trần Bích	Loan	D22_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
816	DH72202168	Nguyễn Thị Yến	Ly	D22_MAR03	3	-	-	-	2	-	1	-	-	7
817	DH72202200	Huỳnh Ng Thuy Ngọc	Ngà	D22_MAR03	3.5	-	-	-	3	-	0.5	-	-	6.5
818	DH72202220	Phạm Gia	Nghi	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
819	DH72202232	Trần Thị Thảo	Nguyễn	D22_MAR03	1.5	-	-	-	1.5	-	-	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
820	DH72202242	Phan Anh	Nhật	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
821	DH72202244	Đào Yến	Nhi	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
822	DH72202270	Tổng Huỳnh	Như	D22_MAR03	2.5	-	-	-	0.5	-	1	1	-	7.5
823	DH72202274	Nguyễn Thị Kim	Ni	D22_MAR03	4	-	-	-	2.5	-	1.5	-	-	6
824	DH72202298	Trần Hồng	Phương	D22_MAR03	11.5	1	1	1	-	-	5.5	-	3	0
825	DH72202299	Trần Thị Thanh	Phương	D22_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
826	DH72202308	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
827	DH72202315	Lê Quang	Sang	D22_MAR03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
828	DH72203679	Lê Tuấn	Tài	D22_MAR03	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
829	DH72202321	Nguyễn Đức	Tài	D22_MAR03	8	-	-	-	1	-	5	-	2	2
830	DH72202334	Trần Nhật	Tân	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
831	DH72202346	Nguyễn Duy	Thành	D22_MAR03	7.5	-	-	-	0.5	-	7	-	-	2.5
832	DH72202352	Mỹ Thị Hiền	Thảo	D22_MAR03	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
833	DH72202364	Võ Thị Phương	Thảo	D22_MAR03	25	24	-	-	-	-	-	1	-	0
834	DH72202371	Huỳnh Hưng	Thịnh	D22_MAR03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
835	DH72202382	Nguyễn Anh	Thư	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
836	DH72114419	Lâm Thị Mỹ	Trang	D22_MAR03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
837	DH72202416	Nguyễn Thị Tuyết	Trâm	D22_MAR03	8	6	-	-	1	-	1	-	-	2
838	DH72202419	Trần Bích	Trâm	D22_MAR03	5.5	-	-	4	0.5	-	1	-	-	4.5
839	DH72202445	Lê Ngọc Hoàng	Trinh	D22_MAR03	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
840	DH72202447	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	D22_MAR03	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
841	DH72202460	Hồ Thị Mộng	Trúc	D22_MAR03	7.5	-	-	-	-	-	6.5	1	-	2.5
842	DH72202461	Hồ Thị Thanh	Trúc	D22_MAR03	7	-	-	-	-	-	6	1	-	3
843	DH72202472	Võ Nguyễn Bội	Truyền	D22_MAR03	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
844	DH72202473	Đặng Kim	Tú	D22_MAR03	16	1	-	2	-	-	11	-	2	0
845	DH72202477	Phạm Thị Cẩm	Tú	D22_MAR03	1.5	-	-	-	1	-	0.5	-	-	8.5
846	DH72202501	Nguyễn Trọng	Văn	D22_MAR03	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
847	DH72202508	Võ Phong	Vũ	D22_MAR03	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
848	DH72202509	Mã Quốc	Vượng	D22_MAR03	4.5	-	-	-	0.5	-	1	-	3	5.5
849	DH72202537	Mai Thị Hải	Yến	D22_MAR03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
850	DH72202538	Nguyễn Thị Hải	Yến	D22_MAR03	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
851	DH72201915	Đỗ Thị Kim	Anh	D22_MAR04	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
852	DH72201919	Phạm Hoàng Tuấn	Anh	D22_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
853	DH72202978	Đặng Ngọc Trí	Bảo	D22_MAR04	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
854	DH72203705	Nguyễn Khánh	Duy	D22_MAR04	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
855	DH72201998	Đình Ngọc Phương	Duyên	D22_MAR04	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
856	DH72202000	Lê Thị	Duyên	D22_MAR04	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
857	DH72201986	Đặng Đức	Dương	D22_MAR04	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
858	DH72201989	Ngô Thị Thùy	Dương	D22_MAR04	6.5	-	-	1	0.5	-	5	-	-	3.5
859	DH72203876	Phan Tấn	Đạt	D22_MAR04	8.5	-	0.5	1	0.5	-	6.5	-	-	1.5
860	DH72201969	Trần Thư	Đạt	D22_MAR04	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
861	DH72202015	Nguyễn Thị Cẩm	Giàu	D22_MAR04	18	12.5	0.5	1	0.5	-	3.5	-	-	0
862	DH72202027	Phan Trần Bảo	Hân	D22_MAR04	5	-	-	1	-	-	4	-	-	5
863	DH72202093	Nguyễn Tấn	Huy	D22_MAR04	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
864	DH72203736	Võ Nhật	Huy	D22_MAR04	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
865	DH72202100	Thái Thị Mỹ	Huyền	D22_MAR04	5	-	-	1	2	-	1	1	-	5
866	DH72202101	Trương Ngọc Mỹ	Huyền	D22_MAR04	2	-	-	1	0.5	-	0.5	-	-	8
867	DH72203693	Nguyễn Đức	Hưng	D22_MAR04	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
868	DH72202075	Dương Thị Quỳnh	Hương	D22_MAR04	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
869	DH72202111	Đoàn Thị Phương	Khanh	D22_MAR04	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
870	DH72202116	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	D22_MAR04	8	-	-	1	-	-	5	-	2	2
871	DH72202124	Nguyễn Tiến	Khôi	D22_MAR04	5	-	-	1	-	-	4	-	-	5
872	DH72202961	Nguyễn Thị Thanh	Lan	D22_MAR04	8.5	-	1	1	2.5	-	4	-	-	1.5
873	DH72202149	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D22_MAR04	8	-	-	1	3.5	-	3.5	-	-	2
874	DH72202163	Lý Văn	Long	D22_MAR04	3	-	-	1	-	-	2	-	-	7
875	DH72202936	Đoàn Vũ	Luân	D22_MAR04	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
876	DH72203729	Đình Thị Cẩm	Ly	D22_MAR04	8.5	0.5	-	1	2.5	-	3.5	1	-	1.5
877	DH72202180	Lâm Trần Tuấn	Minh	D22_MAR04	1.5	-	-	1	-	-	0.5	-	-	8.5
878	DH72202183	Trần Ngọc Thái	Minh	D22_MAR04	2.5	-	-	1	-	-	1.5	-	-	7.5
879	DH72202198	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Nga	D22_MAR04	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
880	DH72202941	Quách Tú	Nga	D22_MAR04	7.5	-	-	1	0.5	-	6	-	-	2.5
881	DH72202935	Vương Mỹ	Nga	D22_MAR04	9	-	0.5	1	0.5	-	7	-	-	1
882	DH72202208	Nguyễn Đạt Ngọc	Ngân	D22_MAR04	5.5	-	-	1	0.5	-	4	-	-	4.5
883	DH72202214	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D22_MAR04	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
884	DH72202215	Trần Thị Kim	Ngân	D22_MAR04	10	-	0.5	2	0.5	-	6	1	-	0
885	DH72202235	Đình Thị Thu	Nguyệt	D22_MAR04	6.5	-	-	1	0.5	-	5	-	-	3.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
886	DH72202248	Lê Yến	Nhi	D22_MAR04	10	-	-	1	2.5	-	5.5	1	-	0
887	DH72202287	Lý Tuyết	Phụng	D22_MAR04	5.5	-	-	1	0.5	-	4	-	-	4.5
888	DH72202293	Bùi Lại Kỳ	Phuong	D22_MAR04	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
889	DH72202316	Nguyễn Duy	Sang	D22_MAR04	4.5	-	-	1	2	-	0.5	1	-	5.5
890	DH72203708	Trần Lê Thanh	Son	D22_MAR04	1.5	-	-	1	0.5	-	-	-	-	8.5
891	DH72202327	Phạm Lê Thành	Tâm	D22_MAR04	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
892	DH72202355	Nguyễn Thị	Thảo	D22_MAR04	3.5	0.5	-	1	-	-	2	-	-	6.5
893	DH72203732	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D22_MAR04	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
894	DH72203799	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D22_MAR04	2	-	-	1	0.5	-	0.5	-	-	8
895	DH72202367	Nguyễn Bảo	Thi	D22_MAR04	7	-	-	1	-	-	3	-	3	3
896	DH72202377	Đỗ Thành	Thông	D22_MAR04	4	-	-	1	-	-	3	-	-	6
897	DH72202378	Đinh Thị Hoài	Thu	D22_MAR04	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
898	DH72203702	Lê Ngọc	Thu	D22_MAR04	11	-	0.5	1	2.5	-	7	-	-	0
899	DH72203784	Nguyễn Thị Thu	Thùy	D22_MAR04	6.5	-	-	1	2	-	3.5	-	-	3.5
900	DH72202398	Lê Thị Thu	Thúy	D22_MAR04	10	-	0.5	2	0.5	-	6	1	-	0
901	DH72202399	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thúy	D22_MAR04	3	-	-	1	0.5	1	0.5	-	-	7
902	DH72202380	Lê Anh	Thư	D22_MAR04	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
903	DH72202404	Trần Ngô Ngọc Hồng	Thy	D22_MAR04	10	1	-	4	-	-	5	-	-	0
904	DH72202415	Nguyễn Ngọc Khánh	Trâm	D22_MAR04	7	-	1	-	2	-	4	-	-	3
905	DH72202970	Huỳnh Huyền	Trân	D22_MAR04	0.5	-	-	-	0.5	-	-	-	-	9.5
906	DH72202946	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	D22_MAR04	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
907	DH72202431	Trần Kim Ngọc	Trân	D22_MAR04	7.5	1	-	1	-	-	5.5	-	-	2.5
908	DH72202444	Nguyễn Việt	Triều	D22_MAR04	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
909	DH72202972	Nguyễn Ngọc	Trường	D22_MAR04	1.5	-	-	-	-	-	0.5	1	-	8.5
910	DH72202479	Lai Lưu Minh	Tuấn	D22_MAR04	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
911	DH72202488	Mai Thị Thanh	Tuyền	D22_MAR04	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
912	DH72202507	Nguyễn Quang	Vinh	D22_MAR04	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
913	DH72203920	Huỳnh Ngọc Phương	Vy	D22_MAR04	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
914	DH72203775	Nguyễn Thúy	Vy	D22_MAR04	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
915	DH72202525	Trần Thị Phương	Vy	D22_MAR04	4	-	-	-	2	-	2	-	-	6
916	DH72202541	Thái Thùy Kiều	Yến	D22_MAR04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
917	DH72202542	Tô Ngọc Hoàng	Yến	D22_MAR04	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
918	DH72201912	Phạm Nguyễn Phúc	An	D22_TC01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
919	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiêu	Anh	D22_TC01	17.5	-	-	3	-	-	11.5	-	3	0
920	DH72201933	Phan Ngọc Gia	Bảo	D22_TC01	124	65	0.5	6	-	-	49.5	2	1	0
921	DH72201947	Ngô Thị Ngọc	Chi	D22_TC01	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
922	DH72201950	Bùi Thị Diệu	Chinh	D22_TC01	3.5	-	-	1	-	-	1.5	1	-	6.5
923	DH72201953	Đỗ Thị Hồng	Cúc	D22_TC01	13.5	1	-	-	-	-	9.5	-	3	0
924	DH72201958	Châu	Danh	D22_TC01	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
925	DH72201972	Trần Thị Hoàng	Diệp	D22_TC01	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
926	DH72201993	Bùi Mai Bảo	Duy	D22_TC01	9.5	-	0.5	-	0.5	-	8.5	-	-	0.5
927	DH72202003	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D22_TC01	5.5	0.5	0.5	-	1	-	0.5	-	3	4.5
928	DH72202024	Nguyễn Gia	Hân	D22_TC01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
929	DH72202043	Nguyễn Lê Phúc	Hậu	D22_TC01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
930	DH72202052	Trần Thị	Hiền	D22_TC01	6	-	-	-	-	-	6	-	-	4
931	DH72202053	Trần Thị Huệ	Hiền	D22_TC01	11.5	-	-	-	-	-	11.5	-	-	0
932	DH72202058	Trần Minh	Hiếu	D22_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
933	DH72202060	Kiều Ngọc	Hoa	D22_TC01	14	-	-	-	-	-	9	-	5	0
934	DH72202064	Trần Thị Thu	Hòa	D22_TC01	9	-	-	-	-	-	9	-	-	1
935	DH72202065	Lê Thanh	Hoài	D22_TC01	4.5	-	-	-	0.5	-	2	-	2	5.5
936	DH72202086	Lưu Thanh	Huy	D22_TC01	7.5	-	-	-	-	-	6.5	1	-	2.5
937	DH72202096	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	D22_TC01	14	-	-	-	3	-	6	-	5	0
938	DH72202105	Đặng Phúc	Khang	D22_TC01	5.5	-	-	-	0.5	-	5	-	-	4.5
939	DH72202109	Phạm Duy	Khang	D22_TC01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
940	DH72202112	Lê Duy	Khánh	D22_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
941	DH72202140	Nguyễn Trần Thu	Lan	D22_TC01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
942	DH72202141	Nguyễn Kim	Lên	D22_TC01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
943	DH72202147	Huỳnh Xuân	Linh	D22_TC01	24	1	-	1	5.5	-	14.5	-	2	0
944	DH72202154	Trần Ngọc Trúc	Linh	D22_TC01	17.5	15	-	1	-	-	1.5	-	-	0
945	DH72202160	Trịnh Đình	Lộc	D22_TC01	3	-	-	1	-	-	1	-	1	7
946	DH72202162	Nguyễn Tuấn	Lợi	D22_TC01	13.5	1	-	1	-	-	11.5	-	-	0
947	DH72202181	Nguyễn Thành	Minh	D22_TC01	5	-	-	1	-	-	4	-	-	5
948	DH72202182	Trần Gia	Minh	D22_TC01	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
949	DH72202184	Liều Thị Kiều	My	D22_TC01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
950	DH72202188	Nguyễn Thị Trà	My	D22_TC01	10	-	-	1	-	-	9	-	-	0
951	DH72202196	Nguyễn Phan Thanh	Nam	D22_TC01	8.5	-	0.5	1	0.5	-	6.5	-	-	1.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
952	DH72202202	Hoàng Thanh	Ngân	D22_TC01	5.5	-	-	1	-	-	3.5	1	-	4.5
953	DH72202243	Châu Tuyết	Nhi	D22_TC01	11.5	-	-	1	3	-	7.5	-	-	0
954	DH72202247	Lê Yên	Nhi	D22_TC01	7	-	-	1	2.5	-	3.5	-	-	3
955	DH72202257	Trần Yên	Nhi	D22_TC01	3.5	-	-	1	-	-	1.5	1	-	6.5
956	DH72202273	Ngô Trần Hồng	Nhung	D22_TC01	21.5	1	-	1	5.5	-	12	-	2	0
957	DH72114740	Lương Thị Quỳnh	Như	D22_TC01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
958	DH72202304	Thái Quốc	Quy	D22_TC01	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
959	DH72201872	Nguyễn Như	Quỳnh	D22_TC01	5.5	-	-	1	3	-	1.5	-	-	4.5
960	DH72202309	Nguyễn Phương	Quỳnh	D22_TC01	1	-	-	1	-	-	-	-	-	9
961	DH72202313	Trương Thị Ngọc	Quỳnh	D22_TC01	9	1	-	1	-	-	6	1	-	1
962	DH72202329	Trần Thị Thanh	Tâm	D22_TC01	7	-	0.5	1	0.5	-	5	-	-	3
963	DH72202330	Vương Nhựt	Tâm	D22_TC01	3.5	-	-	1	0.5	-	2	-	-	6.5
964	DH72202351	Lê Thanh	Thảo	D22_TC01	3	-	-	1	0.5	-	1.5	-	-	7
965	DH72202353	Ngô Thiều Phương	Thảo	D22_TC01	5	-	0.5	1	0.5	-	3	-	-	5
966	DH72202368	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	D22_TC01	2.5	-	-	1	0.5	-	1	-	-	7.5
967	DH72202369	Trần Đình	Thi	D22_TC01	9.5	-	0.5	1	-	-	8	-	-	0.5
968	DH72202373	Đặng Thị Tiểu	Thơ	D22_TC01	7.5	0.5	0.5	1	2	-	0.5	-	3	2.5
969	DH72202403	Nguyễn Thị Minh	Thùy	D22_TC01	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8
970	DH72202400	Phan Thị Cẩm	Thúy	D22_TC01	27.5	18	-	1	-	-	3.5	-	5	0
971	DH72202386	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D22_TC01	10	-	0.5	1	2.5	-	6	-	-	0
972	DH72202391	Trương Thị Anh	Thư	D22_TC01	11	-	0.5	1	0.5	-	9	-	-	0
973	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài	Thương	D22_TC01	11.5	0.5	0.5	1	-	-	9.5	-	-	0
974	DH72202406	Võ Thị Cẩm	Tiên	D22_TC01	5	-	-	1	0.5	-	1.5	-	2	5
975	DH72202435	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D22_TC01	4.5	-	-	1	0.5	-	3	-	-	5.5
976	DH72202463	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	D22_TC01	7.5	-	-	1	-	-	3.5	1	2	2.5
977	DH72202462	Lê Thị Thanh	Trúc	D22_TC01	6	-	-	-	2.5	-	3.5	-	-	4
978	DH72202482	Nguyễn Thanh Hải	Tuấn	D22_TC01	12.5	-	-	1	-	-	11.5	-	-	0
979	DH72202485	Nguyễn Thanh	Tùng	D22_TC01	2	-	0.5	1	-	-	0.5	-	-	8
980	DH72202492	Đặng Ngọc Trinh	Tuyết	D22_TC01	6.5	-	-	1	2	-	3.5	-	-	3.5
981	DH72202495	Nguyễn Mỹ	Uyên	D22_TC01	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6
982	DH72202500	Vương Ngọc Hải	Vân	D22_TC01	11	-	-	2	-	-	7.5	1	0.5	0
983	DH72202505	Võ Thùy	Vi	D22_TC01	10	-	-	3	2.5	-	3.5	1	-	0
984	DH72202512	Huỳnh Thoại	Vy	D22_TC01	4	-	-	1	0.5	-	2.5	-	-	6

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1018	DH72202150	Nguyễn Thị Ngọc Yến Linh	D22_TC02	9	-	1	-	2.5	-	5.5	-	-	1
1019	DH72202155	Trần Thị Trúc Linh	D22_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1020	DH72203712	Quách Thị Gia Lợi	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1021	DH72203734	Lê Thanh Mai	D22_TC02	4.5	-	0.5	-	-	-	4	-	-	5.5
1022	DH72202178	Lâm Gia Mẫn	D22_TC02	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1023	DH72203682	Nguyễn Thị Kiều Mi	D22_TC02	7	5	-	-	-	-	2	-	-	3
1024	DH72202186	Nguyễn Liễu Trà My	D22_TC02	10.5	1.5	0.5	-	-	-	8.5	-	-	0
1025	DH72202192	Châu Thị Thê Mỹ	D22_TC02	10.5	-	-	-	-	-	10.5	-	-	0
1026	DH72202205	Lê Thị Hồng Ngân	D22_TC02	2	-	-	-	-	-	1	1	-	8
1027	DH72202223	Đào Thị Kim Ngọc	D22_TC02	4	-	-	-	0.5	-	1.5	2	-	6
1028	DH72202224	Lê Thị Diễm Ngọc	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1029	DH72202229	Nguyễn Huỳnh Đăng Nguyên	D22_TC02	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
1030	DH72202234	Đặng Lê Như Nguyệt	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1031	DH72202237	Nguyễn Phạm Thanh Nhân	D22_TC02	2.5	-	-	-	1.5	-	1	-	-	7.5
1032	DH72202256	Tăng Thị Kiều Nhi	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1033	DH72202942	Nguyễn Thị Hồng Nhung	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1034	DH72202264	Nguyễn Quỳnh Như	D22_TC02	3	-	-	-	1	-	2	-	-	7
1035	DH72202271	Trần Quỳnh Như	D22_TC02	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
1036	DH72202278	Diệp Phát	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1037	DH72202279	Huỳnh Tấn Phát	D22_TC02	4.5	-	-	-	0.5	-	4	-	-	5.5
1038	DH72202283	Huỳnh Hoàng Phúc	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1039	DH72202288	Trần Huệ Phụng	D22_TC02	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1040	DH72203721	Dương Huỳnh Mỹ Phương	D22_TC02	3.5	-	0.5	-	0.5	-	2.5	-	-	6.5
1041	DH72202303	Nguyễn Anh Quý	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1042	DH72202915	Triệu Nam Quốc	D22_TC02	9	-	-	-	0.5	-	8.5	-	-	1
1043	DH72202328	Phạm Thị Như Tâm	D22_TC02	14	-	-	-	-	-	14	-	-	0
1044	DH72203897	Lê Thị Phương Thảo	D22_TC02	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1045	DH72202356	Nguyễn Thị Phương Thảo	D22_TC02	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1046	DH72202372	Nguyễn Quốc Phúc Thịnh	D22_TC02	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1047	DH72202387	Nguyễn Ngọc Anh Thư	D22_TC02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
1048	DH72202396	Võ Dương Hoài Thương	D22_TC02	7	-	-	-	1.5	-	5.5	-	-	3
1049	DH72202423	Đặng Thị Quế Trân	D22_TC02	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1050	DH72202426	Nguyễn Ngọc Mai Trân	D22_TC02	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1084	DH72300754	Trần Tấn	Hung	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1085	DH72300917	Quách Minh	Khôi	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1086	DH72300922	Trần Nam	Khôi	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1087	DH72300983	Hồ Nhất	Lan	D23_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1088	DH72301124	Nguyễn Thị Bạch	Mai	D23_QT01	2.5	-	-	-	0.5	-	2	-	-	7.5
1089	DH72200187	Đào Tuấn	Mẫn	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1090	DH72301229	Dương Thị Thu	Ngân	D23_QT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1091	DH72301232	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D23_QT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1092	DH72301246	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	D23_QT01	1	-	-	-	0.5	-	0.5	-	-	9
1093	DH72301284	Nguyễn Đặng Phương	Nghi	D23_QT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1094	DH72301266	Nguyễn Hồng	Ngọc	D23_QT01	6	-	-	-	-	-	3	-	3	4
1095	DH72301270	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D23_QT01	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
1096	DH72301304	Đỗ Ngọc Thảo	Nguyên	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1097	DH72301330	Phạm Nguyễn Thanh	Nguyên	D23_QT01	4.5	-	1	-	-	-	3.5	-	-	5.5
1098	DH72301332	Thái Ngô	Nguyên	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1099	DH72202241	Phan Thành	Nhân	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1100	DH72301438	Trần Thị Mỹ	Nhung	D23_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1101	DH72301449	Nguyễn Lê Tuyết	Như	D23_QT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1102	DH72200071	Nguyễn Nhật	Phi	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1103	DH72202285	Nguyễn Hồng	Phúc	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1104	DH72301579	Bùi Thanh	Phương	D23_QT01	10.5	-	-	-	-	-	9.5	1	-	0
1105	DH72301580	Bùi Trần Mai	Phương	D23_QT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1106	DH72301581	Đinh Trần Thu	Phương	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1107	DH72301575	Ngô Thị Ngọc	Phượng	D23_QT01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1108	DH72202967	Đặng Lê Minh	Quang	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1109	DH72301670	Dương Hoàng	Quyên	D23_QT01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1110	DH72301672	Huỳnh Thị Thúy	Quyên	D23_QT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1111	DH72202307	Cao Nguyễn Như	Quỳnh	D23_QT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1112	DH72301660	Trương Thị Như	Quỳnh	D23_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1113	DH72301805	Hà Vĩnh	Thành	D23_QT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1114	DH72301932	Nguyễn Ngọc Bình	Thuận	D23_QT01	8	-	-	2	-	-	3	-	3	2
1115	DH72301942	Trần Thị Kim	Thùy	D23_QT01	3.5	-	-	1	-	-	2.5	-	-	6.5
1116	DH72302041	Hà Thị Thu	Trang	D23_QT01	2	-	-	1	-	-	1	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1183	DH72302297	Nguyễn Phúc	Vinh	D23_QT02	1.5	-	-	-	0.5	-	1	-	-	8.5
1184	DH72302342	Hà Thị	Vy	D23_QT02	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1185	DH72300003	Dương Thị Xuân	An	D23_QT03	13.5	-	-	-	-	-	11.5	-	2	0
1186	DH72300061	Nguyễn Thị Lan	Anh	D23_QT03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1187	DH72300232	Quách Thành	Danh	D23_QT03	2	-	-	-	-	-	1	-	1	8
1188	DH72302383	Lê Thị Thanh	Dung	D23_QT03	4.5	-	-	-	-	-	2.5	-	2	5.5
1189	DH72300336	Nguyễn Trần Vy Anh	Đào	D23_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1190	DH72300341	Lại Đình Khoa	Đặng	D23_QT03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1191	DH72300497	Nguyễn Lưu Gia	Hân	D23_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1192	DH72300565	Phạm Lê Cẩm	Hồng	D23_QT03	3	-	-	-	-	-	3	-	-	7
1193	DH72300731	Phạm Nguyễn Thy	Huyền	D23_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1194	DH72300648	Võ Nguyễn Trúc	Huỳnh	D23_QT03	8	-	-	-	-	-	5	-	3	2
1195	DH72300756	Võ Ngọc	Hưng	D23_QT03	5	-	-	-	-	-	3	1	1	5
1196	DH72300760	Huỳnh Thị Xuân	Hương	D23_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1197	DH72300762	Lương Thị Ngọc	Hương	D23_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1198	DH72300812	Trương Minh	Khang	D23_QT03	8	-	1	-	-	-	5	-	2	2
1199	DH72300926	Bùi Phạm Liên	Khương	D23_QT03	6	-	1	-	-	-	5	-	-	4
1200	DH72300955	Lê Tuấn	Kiệt	D23_QT03	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1201	DH72300987	Nguyễn Thị Thúy	Lan	D23_QT03	20	-	1.5	1	2.5	-	12	-	3	0
1202	DH72300988	Thiều Nguyễn Phương Lan		D23_QT03	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1203	DH72301029	Huỳnh Ngọc Thùy	Linh	D23_QT03	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1204	DH72301085	Nguyễn Văn Quang	Long	D23_QT03	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1205	DH72301127	Phạm Thị Tuyết	Mai	D23_QT03	3	-	-	-	2.5	-	0.5	-	-	7
1206	DH72301209	Nguyễn Thành	Nam	D23_QT03	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
1207	DH72301248	Phạm Thị Hồng	Ngân	D23_QT03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1208	DH72301283	Lại Yên	Nghi	D23_QT03	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
1209	DH72301276	Tăng Kim	Ngọc	D23_QT03	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
1210	DH72301333	Trần Gia	Nguyễn	D23_QT03	7	-	-	-	0.5	-	6.5	-	-	3
1211	DH72301388	Nguyễn Hồng Yên	Nhi	D23_QT03	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
1212	DH72301392	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	D23_QT03	5	-	-	2	-	-	3	-	-	5
1213	DH72301442	Huỳnh Phạm Hải	Như	D23_QT03	10	-	1	2	-	-	5	-	2	0
1214	DH72301467	Hồ Đoàn Thành	Phát	D23_QT03	6.5	-	-	2	-	-	4.5	-	-	3.5
1215	DH72301479	Nguyễn Tấn	Phát	D23_QT03	7	-	-	2	-	-	4	-	1	3

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1216	DH72301488	Trần Thuận	Phát	D23_QT03	3.5	-	-	2	-	-	1.5	-	-	6.5
1217	DH72301496	Nguyễn Thị Hương	Phấn	D23_QT03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1218	DH72302444	Trương Huy	Phong	D23_QT03	7	-	-	2	-	-	5	-	-	3
1219	DH72301639	Nguyễn Lâm Trị	Quốc	D23_QT03	13	-	-	2	-	-	11	-	-	0
1220	DH72303120	Lương Hào	Quý	D23_QT03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1221	DH72301654	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D23_QT03	6.5	-	-	2	-	-	4.5	-	-	3.5
1222	DH72301717	Trần Thị Thu	Sương	D23_QT03	4.5	-	1	2	0.5	-	1	-	-	5.5
1223	DH72301733	Nguyễn Thanh	Tài	D23_QT03	9.5	-	-	2	-	-	5.5	-	2	0.5
1224	DH72301793	Nguyễn Văn	Thanh	D23_QT03	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
1225	DH72302552	Trịnh Thanh	Thào	D23_QT03	3	-	-	2	0.5	-	0.5	-	-	7
1226	DH72301945	Trần Thị Thanh	Thúy	D23_QT03	5.5	-	-	2	-	-	3.5	-	-	4.5
1227	DH72301947	Dương Lê Anh	Thư	D23_QT03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1228	DH72301956	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D23_QT03	9	-	-	2	-	-	5	-	2	1
1229	DH72301963	Trần Thị Minh	Thư	D23_QT03	4	-	-	2	-	-	2	-	-	6
1230	DH72302023	Nguyễn Phương	Tịnh	D23_QT03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1231	DH72302044	Nguyễn Ngọc Yên	Trang	D23_QT03	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1232	DH72302353	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D23_QT03	6	-	-	2	-	-	4	-	-	4
1233	DH7232440	Nguyễn Tường	Vy	D23_QT03	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1234	DH72302362	Trương Thị Hiền	Vy	D23_QT03	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
1235	DH72302371	Huỳnh Nguyễn Như	ý	D23_QT03	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1236	DH72302377	Cao Nguyễn Hải	Yên	D23_QT03	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
1237	DH72300018	Nguyễn Thúy	An	D23_QT04	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1238	DH72300035	Huỳnh Minh	Anh	D23_QT04	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8
1239	DH72300097	Nguyễn Thị Kim	ánh	D23_QT04	3	-	-	2	-	-	1	-	-	7
1240	DH72302940	Trần Băng	Băng	D23_QT04	8	-	-	2	-	-	6	-	-	2
1241	DH72300234	Nguyễn Thị	Dân	D23_QT04	4.5	-	-	2	-	-	2.5	-	-	5.5
1242	DH72300240	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	D23_QT04	1.5	-	-	2	-	-	-0.5	-	-	8.5
1243	DH72300310	Hồ Thị Mỹ	Duyên	D23_QT04	3.5	-	-	2	0.5	-	1	-	-	6.5
1244	DH72300315	Phạm Thị	Duyên	D23_QT04	5	-	-	2	-	-	3	-	-	5
1245	DH72300481	Phan Anh	Hào	D23_QT04	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1246	DH72300710	Tiêu Thành	Huy	D23_QT04	4	-	-	2	-	-	-	-	2	6
1247	DH72300843	Trần Nguyễn Ngọc	Khánh	D23_QT04	2.5	-	-	2	-	-	0.5	-	-	7.5
1248	DH72300846	Võ Hoàng Gia	Khánh	D23_QT04	2	-	-	2	-	-	-	-	-	8

STT	MSSV	Họ và tên		Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1282	DH72302244	Đoàn Ngọc Thanh	Tuyền	D23_QT04	5.5	-	-	-	-	-	4.5	-	1	4.5
1283	DH72302246	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D23_QT04	4	-	-	-	-	-	4	-	-	6
1284	DH72302433	Trần Ngọc Bích	Tuyền	D23_QT04	1.5	-	-	-	-	-	0.5	-	1	8.5
1285	DH72302250	Nguyễn Trí	Tuyền	D23_QT04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1286	DH72302243	Nguyễn Hữu	Tuyền	D23_QT04	5	-	-	-	3	-	2	-	-	5
1287	DH72302263	Nguyễn Hoàng	Uyên	D23_QT04	6	-	-	-	0.5	-	5.5	-	-	4
1288	DH72302606	Nguyễn Hồng Khánh	Uyên	D23_QT04	1.5	-	-	-	-	-	0.5	-	1	8.5
1289	DH72302273	Lê Công	Văn	D23_QT04	3.5	-	-	-	0.5	-	2	-	1	6.5
1290	DH72302409	Đoàn Khánh	Vinh	D23_QT04	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1291	DH72302441	Huỳnh Triều	Vỹ	D23_QT04	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
1292	DH72302417	Phạm Ngọc	Vỹ	D23_QT04	3	-	-	-	0.5	-	1.5	-	1	7
1293	DH72302397	Nguyễn Thị Như	ý	D23_QT04	5.5	-	-	-	-	-	4.5	-	1	4.5
1294	DH72302581	Phan Trần Như	ý	D23_QT04	3.5	-	-	-	-	-	3.5	-	-	6.5
1295	DH72302718	Huỳnh Trần Ngọc	Yến	D23_QT04	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1296	DH72300040	Lê Đình Duy	Anh	D23_QT05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1297	DH72300085	Trần Nguyễn Duy	Anh	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1298	DH72300088	Trần Thị Nhật	Anh	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1299	DH72300100	Muhammad	Asnawi	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1300	DH72300223	Trương Chí	Cường	D23_QT05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1301	DH72300235	Nguyễn Tiến	Dân	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1302	DH72300251	Hồ Nhật	Dũng	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1303	DH72300335	Nguyễn Thanh	Đào	D23_QT05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
1304	DH72302494	Trần Công	Đức	D23_QT05	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
1305	DH72303074	Lương Thị Ngọc	Giàu	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1306	DH72302759	Phạm Trần Nhật	Hạ	D23_QT05	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
1307	DH72300509	Đỗ Minh	Hải	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1308	DH72300519	Trần Quốc	Hải	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1309	DH72300474	Mai Thái	Hào	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1310	DH72303089	Nguyễn Thành	Hiệp	D23_QT05	7	-	-	-	-	-	7	-	-	3
1311	DH72300540	Đoàn Trần Trung	Hiếu	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1312	DH72300593	Đoàn Kim	Hoàng	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1313	DH72300598	Lê Trúc Huy	Hoàng	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1314	DH72300613	Trần Quốc	Hoàng	D23_QT05	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	Nội dung								Số ngày còn lại	
					1	2	3	4	5	6	7	8		
1381	DH72302360	Trần Trúc Vy	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1382	DH72302346	Ngô Thị Thúy Vy	D23_QT05	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10
1383	DH72302450	Nguyễn Lương Hữu Vỹ	D23_QT05	4	-	-	-	-	-	1	-	3	6	
1384	DH72302381	Nguyễn Thị Thu Yên	D23_QT05	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5	

Tổng số SV: **1384**

Đã hoàn thành: **284**

Chưa hoàn thành: **1100**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội
- 6: Tham gia các hoạt động phục vụ, hỗ trợ Nhà trường, ...
- 7: Hiến máu tình nguyện
- 8: Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Người lập bảng

Trưởng Phòng CTSV

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Nguyễn Thị Diễm Ngân

ThS. Vũ Trọng Anh

PGS, TS. Hoàng Kim Anh